

Số: 02/BC-BCĐ-ĐA06

Vinh Long, ngày 08 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 06 tháng đầu năm 2025 trong triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an.

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án 06);

Căn cứ Công văn số 2784/TCT ngày 25/6/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính (TTHC), chuyển đổi số gắn với Đề án 06 về việc báo cáo sơ kết 06 tháng đầu năm 2025; Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Vĩnh Long báo cáo kết quả triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. KHÁT QUÁT TÌNH HÌNH

1. Khái quát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội tại địa bàn

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy, tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tạo nền tảng cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030; là năm chuẩn bị, củng cố các yếu tố làm tiền đề để cùng với cả nước bước vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc.

Thực hiện Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên, Vĩnh Long đã đặt ra mục tiêu tăng trưởng của tỉnh là 8,0 - 8,5%. Đây là một mục tiêu đầy thách thức, khó khăn, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều diễn biến phức tạp, xung đột quân sự, cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại và các chính sách thuế quan khó đoán định của Hoa Kỳ.

Trước bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo khoa học, sáng suốt, kịp thời của Trung ương; sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh; sự đồng thuận, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm đạt được nhiều kết quả tích cực. Tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy, các cân đối lớn về kinh tế được bảo đảm; cả 3 khu

vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tiếp tục phát triển.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao

UBND tỉnh đã triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tổ Công tác (tại các Chỉ thị, Nghị quyết, Thông báo,...) về triển khai Đề án 06, cải cách TTHC từ khi triển khai Đề án 06 đến nay, với nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp triển khai, thực hiện Đề án 06, kết quả như sau:

(1) Nhiệm vụ tồn 2024 chuyển sang: 01 nhiệm vụ.

(2) Nhiệm vụ mới được giao năm 2025: 40 nhiệm vụ.

(3) Kết quả:

- Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành: 07 nhiệm vụ.

- Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ.

- Tổng số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên: 18 nhiệm vụ.

- Tổng số nhiệm vụ đang triển khai: 16 nhiệm vụ.

3. Đánh giá các tiện ích, giá trị mang lại theo 05 nhóm tiện ích từ khi triển khai Đề án 06/CP đến nay

- Người dân có thể thực hiện thủ tục hành chính bất cứ thời điểm nào, nơi nào, không phải tiếp xúc với cơ quan nhà nước, cắt giảm giấy tờ, chi phí đi lại; được miễn, giảm lệ phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Thông tin công dân được tích hợp vào thẻ Căn cước công dân, Căn cước có gắn chip điện tử phục vụ cho các cơ quan khai thác thông tin để giải quyết thủ tục hành chính.

- Qua ứng dụng VNeID: công dân thụ hưởng các tiện ích do ứng dụng cung cấp (thông báo lưu trú; kiến nghị, phản ánh tin liên quan an ninh, trật tự; tích hợp thông tin giấy tờ tùy thân,...), thay thế thẻ Căn cước công dân, Căn cước vật lý.

- Qua thẻ Căn cước công dân, Căn cước: Công dân sử dụng thẻ Căn cước công dân, Căn cước đã được tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trên ứng dụng VNeID thay thế thẻ Bảo hiểm y tế trong khám bệnh.

- Qua tài khoản định danh điện tử: Công dân sử dụng tài khoản để đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (Chính phủ số, kinh tế số và công dân số) và đánh giá khả năng hoàn thành 100% các mục tiêu, chỉ tiêu của giai đoạn 2022 – 2025

(chi tiết tại Phụ lục số 01 gửi kèm theo).

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

a) Tham mưu với tỉnh ủy, Thành ủy ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết triển khai Đề án 06 tại địa phương: Không có.

b) Trong 06 tháng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 190 văn bản triển khai thực hiện theo lộ trình Đề

án; tại các Nghị quyết của Chính phủ, Thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Tổ Công tác; đặc biệt là Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025, chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an và các văn bản phối hợp triển khai Đề án với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

(chi tiết tại Phụ lục các văn bản kèm theo)

c) Kết quả hoạt động của Tổ công tác tại cấp huyện, xã, phường, khu dân cư. Kết quả của cơ quan Công an với vai trò thường trực: hàng ngày tham mưu, triển khai cho UBND các cấp. Công tác đôn đốc, giám sát, phối hợp với các đơn vị có liên quan (*Y tế, Giáo dục, Nội vụ, Tư pháp...*) trong triển khai các mô hình điểm và các mặt công tác của Đề án 06/CP.

* Kết quả hoạt động của Tổ Công tác tại cấp huyện, xã và ở ấp/khóm/khu

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 08/08 Tổ Công tác cấp huyện, 102/102 Tổ Công tác cấp xã, 752 Tổ Công tác ở ấp/khóm/khu được thành lập. Kết quả: Các Tổ Công tác tích cực tham mưu triển khai kịp thời nhiệm vụ; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, hướng dẫn công dân kích hoạt, sử dụng tài khoản VNeID mức 2, nộp hồ sơ trực tuyến,...

* Kết quả của cơ quan Công an

(1) Công an tỉnh: Với vai trò thường trực trong triển khai nhiệm vụ Đề án 06 đã tích cực tham mưu Chủ tịch UBND, Tổ trưởng, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh ban hành 02 Kế hoạch¹, 01 Công văn² triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án 06; ban hành 06 văn bản gửi các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06³. Đồng thời, ban hành 66 văn bản (02 Quyết định, 60 Công văn, 01 Kế hoạch triển khai thực hiện và chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06/CP trong lực lượng Công an tỉnh.

(2) Công an huyện, thị xã, thành phố tham mưu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: 03 Kế hoạch, 27 Công văn triển khai thực hiện và chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06/CP trên địa bàn. Đồng thời, ban hành 20 Công văn triển khai thực hiện và chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 trong lực lượng Công an cấp huyện.

¹ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 21/4/2025 về việc tuyên truyền Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025.

² Công văn số 2215/UBND-TCĐNC ngày 31/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung nhiệm vụ thực hiện Đề án 06 trong năm 2025.

³ (1) Công văn số 702/BCĐ-ĐA06 ngày 19/12/2024 về việc triển khai Bộ câu hỏi phục vụ hợp giao ban, kiểm điểm hàng tuần về Số sức khỏe điện tử và cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID; (2) Công văn số 703/BCĐ-ĐA06 ngày 20/12/2024 về việc đề nghị đẩy nhanh tiến độ triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp, số sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID và một số nhiệm vụ chậm, muộn của Đề án 06; (3) Công văn số 704/BCĐ-ĐA06 ngày 20/12/2024 về việc triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp, số sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID và số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh; (4) Công văn số 708/BCĐ-ĐA 06 ngày 23/12/2024 về việc đóng góp ý kiến đối với dự thảo kế hoạch cao điểm về triển khai cấp định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức; (5) Kế hoạch số 713/KH-BCĐ-ĐA06 ngày 29/12/2024 cao điểm triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức; (6) Công văn số 55/BCĐ-ĐA06 ngày 07/3/2025 về việc giao đảm nhiệm vai trò Tổ phó thường trực Đề án 06 cấp huyện.

* Công tác phối hợp với các đơn vị có liên quan (*Y tế, Giáo dục, Nội vụ, Tư pháp...*)

Chỉ đạo các ngành có liên quan tăng cường công tác phối hợp với các đơn vị (*Y tế, Giáo dục, Nội vụ, Tư pháp,...*) triển khai hiệu quả các nhiệm vụ liên quan, cụ thể: phối hợp với các trường học tại địa phương lập danh sách học sinh (sinh năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và 2009) để cấp Căn cước công dân và tài khoản định danh điện tử tổng số 15.927 trường hợp; phối hợp với BHXH tỉnh xác thực thông tin làm sạch dữ liệu; Đoàn thanh niên thực hiện tuyên truyền nhiệm vụ Đề án 06 và hướng dẫn, hỗ trợ người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) để thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự; Tư pháp tại địa phương xác minh, cập nhật, bổ sung thông tin công dân, giải quyết cư trú; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) cập nhật thông tin người lao động vào phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư 378.619 trường hợp; rà soát, cập nhật thông tin người lao động được hỗ trợ tiền thuê nhà; ...

d) Kết quả tuyên truyền thực hiện Đề án

* Công an tỉnh: Lực lượng Công an các cấp đã phối hợp với các ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức tuyên truyền 978 cuộc qua các tin thời sự, tin bài, cổng thông tin điện tử; phát 51.705 tờ rơi tuyên truyền Đề án 06, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID; trên loa phát thanh xã, phường, thị trấn 6.302 lượt; phát hình hơn 600 giờ tuyên truyền Đề án 06 trên các màn hình Led; qua họp dân ở ấp, khóm, khu dân cư, Zalo, Facebook,... với tổng số 146.171 lượt (cấp huyện: 25.201 lượt; cấp xã: 56.936 lượt; ở ấp/khóm/khu: 64.034 lượt). Đồng thời, tổ chức tuyên truyền về Luật Căn cước; Luật dữ liệu; tiện ích tài khoản định danh điện tử trên trang thông tin điện tử Công an tỉnh Vĩnh Long, trang Zalo Công an tỉnh Vĩnh Long; Fanpage: tuổi trẻ Công an Vĩnh Long, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH được 834 lượt khoảng 411.365 lượt xem, 10.008 lượt chia sẻ; trên loa phát thanh 7.112 lượt.

* Sở Thông tin và Truyền thông: Thường xuyên cập nhật tin tức liên quan triển khai Đề án 06 và các thông tin khác qua các kênh Zalo “Chính quyền số Vĩnh Long”; trang Facebook “Chuyển đổi số Vĩnh Long”; trang thông tin điện tử của Sở. Từ ngày 07/12/2024 đến ngày 09/6/2025, trang Zalo Official Chính quyền số Vĩnh Long đăng tải 276 tin, bài; Trang Fanpage Chuyển đổi số Vĩnh Long trên facebook đăng tải 285 tin, bài; Trang thông tin điện tử của Sở 319 tin bài; Trang Chuyển đổi số của tỉnh 290 tin bài.

2. Về hoàn thiện thể chế

Về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến triển khai Đề án 06: Không có.

Trên cơ sở Quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) của các Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 50 Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, trong đó: công bố mới 748 TTHC; sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế 595 TTHC; bãi bỏ 119 TTHC. Đến nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh là 2.093 TTHC, trong đó: 1.703 TTHC cấp tỉnh, 299 TTHC cấp xã, 91 TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp xã. Tất cả TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Đồng

thời, ban hành Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa 21 TTHC (trong đó có 12 TTHC rút ngắn thời gian giải quyết, tỷ lệ cắt giảm thời gian 31,67%), qua đó giúp tiết kiệm chi phí 17.083.480 đồng/năm, tỷ lệ tiết kiệm đạt 30,43%.

3. Về cải cách thủ tục hành chính

Rà soát, các loại giấy tờ của cá nhân, tổ chức có thể tích hợp thông tin trên ứng dụng VNeID như sau: Thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Mã số thuế cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã; Giấy phép lái xe; Giấy đăng ký xe; Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận kết hôn, trích lục hộ tịch; Quyết định nuôi con nuôi trong nước; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; Quyết định về việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam; Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam; Giấy xác nhận người có gốc Việt Nam; Hộ chiếu; Giấy chứng sinh khi thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh; Căn cước công dân/Căn cước; Thông tin và Mã số sổ Bảo hiểm xã hội; Mã số thẻ Bảo hiểm y tế; Các loại văn bằng, chứng chỉ (bằng tốt nghiệp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học, sau đại học, trung học chuyên nghiệp, chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ nghiệp vụ,...); Giấy phép hành nghề; Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược); Phiếu lý lịch tư pháp. Đồng thời, đề xuất⁴ bổ sung tích hợp các loại giấy tờ nêu trên lên ứng dụng VNeID và chia sẻ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, cho phép sử dụng thông tin này tương đương với giấy tờ khi thực hiện các TTHC để không yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ, phải nộp bản sao chứng thực.

Qua rà soát, tỉnh đề xuất phương án thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính⁵ trong phạm vi cấp tỉnh: 1.610/1.610 TTHC, đạt tỷ lệ 100%, trong đó:

- Nhóm TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến hoặc thực hiện qua bưu chính công ích: 1.498 TTHC.
- TTHC có thể thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính và không cần điều chỉnh văn bản quy phạm pháp luật: 07 TTHC.
- TTHC cần sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: 105 TTHC.

Chỉ đạo: Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, địa phương trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC khi kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp; hướng dẫn nghiệp vụ về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành tỉnh rà soát TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long mới, TTHC được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giải quyết theo hệ thống chính quyền 02 cấp nhằm bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp được thông suốt, không bị gián đoạn khi sắp xếp đơn vị hành chính; kiểm thử dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Vĩnh Long trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định; cung cấp thông tin kịp thời theo yêu

⁴ Công văn số 3446/UBND-TCĐNC ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc rà soát các loại giấy tờ có thể tích hợp thông tin trên ứng dụng VNeID; nội dung các lĩnh vực đã có sự hợp tác với Lào, Singapore và Hàn Quốc.

⁵ Báo cáo số 265/BC-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh về kết quả rà soát, đề xuất phương án thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

cầu của Sở Khoa học và Công nghệ (về công bố, công khai, quy trình, báo cáo tiến độ, ...); thông báo Danh sách công chức đầu mối của các sở, ban, ngành tỉnh hỗ trợ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nhằm đảm bảo thực hiện TTHC thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi sắp xếp đơn vị hành chính; Chủ tịch UBND các xã, phường⁶ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các đầu mối hỗ trợ (Viettel post, VNpost) thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua bưu chính, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu quả, thường xuyên, liên tục 24/7 khi sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp từ ngày 01/7/2025. Đồng thời, ban hành Thông báo số 63/TB-UBND ngày 25/6/2025 về thông báo địa chỉ trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã và số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để người dân, doanh nghiệp nắm, liên hệ công việc từ ngày 01/7/2025.

- Kết quả triển khai 56/75 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06/CP, Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 và Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trong 6 tháng, đã tiếp nhận 256.501 hồ sơ⁷ trực tuyến, đạt tỷ lệ 40,87%, cụ thể từng loại thủ tục như sau:

- (1) Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 97 hồ sơ.
- (2) Cấp lại, cấp đổi Căn cước (Dịch vụ công trực tuyến một phần, Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 25.602 hồ sơ.
- (3) Đăng ký thường trú (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 37.040 hồ sơ.
- (4) Đăng ký tạm trú (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 7.825 hồ sơ.
- (5) Đăng ký tạm vắng (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 37 hồ sơ.
- (6) Thông báo lưu trú (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 49.501 hồ sơ.
- (7) Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 29.860 hồ sơ.
- (8) Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): Chưa triển khai.
- (9) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 12.040 hồ sơ.
- (10) Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 135 hồ sơ.
- (11) Thủ tục làm con dấu thu nhỏ và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 12 hồ sơ.

⁶ Công văn số 5404/UBND-PVHCC ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh V/v thông tin đầu mối hỗ trợ UBND cấp xã trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua bưu chính.

⁷ Cụ thể: tiếp nhận tổng số 627.579 hồ sơ, trong đó: trực tuyến: 256.501 hồ sơ, tỷ lệ 40,87%; trực tiếp: 371.078 hồ sơ, tỷ lệ 59,13%.

(12) Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 5.33 hồ sơ.

(13) Cấp phiếu lý lịch tư pháp (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 4.058 hồ sơ

(14) Đăng ký khai sinh (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 3.380 hồ sơ.

(15) Đăng ký khai tử (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 2.050 hồ sơ.

(16) Đăng ký kết hôn (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 2.276 hồ sơ.

(17) Liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 5.310 hồ sơ.

(18) Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 2.882 hồ sơ.

(19) Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 261 hồ sơ.

(20) Đăng ký thuê lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuê đối với người nộp thuê là hộ gia đình, cá nhân (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 17.184 hồ sơ.

(21) Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(22) Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 22.960 hồ sơ.

(23) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 3.386 hồ sơ.

(24) Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 2.412 hồ sơ.

(25) Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 2.667 hồ sơ.

(26) Xác nhận thông tin về cư trú (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 7.668 hồ sơ.

(27) Công nhận bằng tốt nghiệp trung học sơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(28) Đăng ký tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (tham gia mới; chuyển từ bảo hiểm xã hội bắt buộc sang bảo hiểm xã hội tự nguyện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 26 hồ sơ.

(29) Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 22 hồ sơ.

(30) Thăm viếng mộ liệt sĩ (cấp giấy giới thiệu và thực hiện chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(31) Mở rộng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện các dịch vụ cung cấp điện còn lại (ngoài 2 dịch vụ đã hoàn thành: Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V); thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 751 hồ sơ.

(32) Liên thông nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 999 hồ sơ.

(33) Liên thông nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh/chứng chỉ hành nghề dược và cấp phiếu lý lịch tư pháp (Dịch vụ công trực tuyến một phần): Chưa phát sinh hồ sơ.

(34) Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận - Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai - Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 0 hồ sơ.

(35) Liên thông nhóm thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và đăng ký kết hôn (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 0 hồ sơ.

(36) Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(37) Thu, nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(38) Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần (không bao gồm đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): Chưa phát sinh hồ sơ.

(39) Nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản, thông báo tố tụng (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(40) Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với doanh nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(41) Nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với doanh nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 11.536 hồ sơ.

(42) Kết nối, chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thực hiện các dịch vụ cung cấp điện cho doanh nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 437 hồ sơ.

(43) Liên thông nhóm thủ tục xóa nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi về nghĩa vụ tài chính (do xóa nợ nghĩa vụ tài chính) (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 49 hồ sơ.

(44) Liên thông các thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã /liên thông hợp tác xã và đăng ký thuế (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 03 hồ sơ.

(45) Thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với hợp tác xã, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai: Chưa phát sinh hồ sơ

(46) Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú: 3.502 hồ sơ.

(47) Nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thị trường: Chưa phát sinh hồ sơ.

(48) Nhóm thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch - Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú - Cấp lại thẻ Căn cước công dân/Đổi thẻ Căn cước công dân: Chưa phát sinh hồ sơ.

(chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận 627.579 hồ sơ, trong đó: trực tuyến: 256.501 hồ sơ, tỷ lệ 40,87%; trực tiếp: 371.078 hồ sơ, tỷ lệ 59,13%. Giá trị mang lại: Người dân có thể thực hiện thủ tục hành chính bất cứ thời điểm nào, nơi nào, không phải tiếp xúc với cơ quan nhà nước, cắt giảm giấy tờ, chi phí đi lại; tiết kiệm thời gian, công sức; giảm phiền hà; thuận tiện trong việc thực hiện và sử dụng; được miễn, giảm lệ phí thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao hài lòng cho nhân dân; tiết kiệm nguồn nhân lực.

- Rà soát, đánh giá hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in... của đơn vị: Triển khai trên hạ tầng cloud của Tập đoàn VNPT; đường truyền internet, số liệu chuyên dùng cấp cho 124 xã, phường mới: đã triển khai tốc độ tối thiểu 100 Mbps, 15 Mbps; đường truyền số liệu chuyên dùng liên tỉnh (các sở, ban, ngành); kết nối các sở, ban, ngành (kết nối LGSP từ trung tâm dữ liệu của tỉnh mới đến các Bộ, ngành Trung ương, liên thông Trục LTVBQG): tốc độ 100Mbps, 1Gb. Đồng thời, bố trí đầy đủ trang thiết bị phục vụ người dân và cán bộ tại Trung tâm hành chính công.

- Nguồn nhân lực: biên chế đầy đủ, năng lực cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ từ đại học trở lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

4. Phát triển kinh tế, xã hội

a) Kết quả ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CCCD, Căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội theo các lĩnh vực, cụ thể:

- Ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng: Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh đều đã sử dụng chức năng tích hợp thông tin cá nhân thông qua mã QR trên thẻ Căn cước công dân (CCCD), Căn cước của khách hàng để đối chiếu thông tin khách hàng, chống giả mạo trong giao dịch tài chính và sử dụng chức năng tích hợp thông tin cá nhân thông qua ứng dụng VNeID mức 2 để đối chiếu thông tin khách hàng khi giao dịch làm hạn chế rủi ro trong quá trình cho vay tín chấp, đẩy nhanh quá trình giải ngân.

- Ứng dụng trong lĩnh vực y tế: Triển khai thực hiện việc khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp BHYT, 100% cơ sở khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế (KCB BHYT) trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện khám, chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp thẻ BHYT; lũy kế đến ngày 25/6/2025

có tổng số 3.726.946 lượt tra cứu; trong đó, có 3.232.273 lượt tra cứu thành công phục vụ công tác KCB BHYT bằng thẻ CCCD, Căn cước, đạt tỷ lệ 86,73%.

b) Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt

- Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh là 56.917 người (trong đó: có 50.351 đối tượng bảo trợ xã hội; 6.566 đối tượng người có công). Số đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội đã thực hiện rà soát đến ngày báo cáo là 56.917. Số đối tượng đã mở tài khoản lũy kế đến ngày báo cáo là 39.327 (trong đó, đối tượng bảo trợ xã hội: 32.900; đối tượng người có công: 6.427). Trả qua tài khoản đến ngày 25/6/2025 là 39.235/39.327 trường hợp (trong đó, đối tượng bảo trợ xã hội: 32.984; đối tượng người có công: 6.251) với tổng số tiền là 43.759.053.659 đồng, đạt tỷ lệ 99,77% trên tổng số người đã có tài khoản và đạt 68,93% trên tổng số đối tượng. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng hưởng lương hưu, BHXH trên địa bàn tỉnh tổng số là: 13.741 người. Đã thực hiện rà soát đến ngày 24/6/2025 là: 13.741. Trả qua tài khoản đến ngày 24/6/2025 là: 13.244 trường hợp với tổng số tiền là 101.303.264.500 đồng, đạt tỷ lệ 96,38%.

- Việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại trường học và cơ sở y tế: Có 15/15 cơ sở y tế và 360/360 cơ sở giáo dục đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Triển khai các giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách

Về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Đến nay, người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công: 1.935 trường hợp.

d) Kết quả phát triển, triển khai mô hình kinh tế số tại địa phương

- Cập nhật thông tin giá cả thị trường trên hệ thống Pmard và gửi thông tin giá cả thị trường: Cập nhật 50 thông tin giá cả các mặt hàng (Lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi, rau củ quả các loại, trái cây, thức ăn gia súc, phân bón) lên hệ thống khuyến nông thị trường của tỉnh trên trang <https://giaca.nsvl.com.vn>. Nâng tổng số 350 thông tin. Tần suất 03 lần/tuần (Thứ 2, 4, 6). Cập nhật 03 tin nhắn giá trên nhóm Zalo giá cả thị trường Vĩnh Long. Nâng tổng số 35 tin nhắn. Cập nhật 38 thông tin, nâng lũy kế 113 thông tin. Với các nội dung: Tin tức nông sản, diễn biến thị trường, giá cả các mặt hàng nông sản, giao thương, xúc tiến thương mại, khoa học kỹ thuật, nông thôn mới, văn bản pháp luật, mô hình sản xuất, tình hình sản xuất.

- Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương Vĩnh Long với địa chỉ website là <https://trade.vinhlong.gov.vn>. Tính đến nay Sàn có 484 cơ sở, hợp tác xã, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cùng 2.060 sản phẩm từ thủ công mỹ nghệ, nông thủy sản, thực phẩm chế biến và đồ uống,... Trong đó tỷ lệ sản phẩm OCOP tham gia Sàn đạt 75 %. Số lượng hợp tác xã trên Sàn hiện tại là 40 hợp tác xã với các mặt hàng chủ yếu là nông sản, cây ăn trái,...

- 100% cơ quan xúc tiến thương mại được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

- Ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông sản Vĩnh Long, cụ thể: hỗ trợ đăng tải thông tin trên Sàn giao dịch nông sản điện tử Vĩnh Long (<https://nsvl.com.vn>) có 230 sản phẩm (149 sản phẩm đạt 3 sao, 79 sản phẩm đạt 4 sao, 2 sản phẩm đạt 5 sao) với 133 chủ thể (31 hợp tác xã, 6 tổ hợp tác, 30 doanh nghiệp, 66 hộ sản xuất kinh doanh).

- Triển khai ứng dụng eTax Mobile với hệ thống các chức năng, dịch vụ, hỗ trợ dành cho người nộp thuế là cá nhân trên phạm vi toàn quốc; Hóa đơn điện tử; Văn bản điện tử (TaxOffice) cho công chức, người nộp thuế.

e) Giá trị mang lại: Khi ứng dụng thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CCCD, Căn cước, định danh và xác thực điện tử thì thông tin công dân được kiểm tra nhanh chóng, chính xác, thuận tiện cho cán bộ, công chức, viên chức khi giải quyết công việc; giúp tiết kiệm thời gian, chi phí của công dân khi thực hiện các giao dịch; an toàn và tránh được các rủi ro như trộm cắp, tiền giả; nhanh chóng, chính xác số tiền cần thanh toán, giảm thời gian đi lại; hạn chế lượng tiền mặt lưu thông, giảm thiểu lạm phát, ổn định kinh tế quốc dân; giảm chi phí văn phòng phẩm; không cần mang theo tiền mặt, tiết kiệm thời gian, công sức giảm phiền hà, thuận tiện trong việc thực hiện và sử dụng, tin cậy, bảo mật, tăng tính minh bạch, nâng cao hài lòng cho nhân dân, tăng cường quản lý và thống kê, tiết kiệm nguồn nhân lực,...

5. Về phát triển công dân số

Trong kỳ, Công an tỉnh tổ chức thu nhận 64.921 hồ sơ cấp Căn cước, đã truyền dữ liệu về Trung ương 64.921 hồ sơ đề nghị in thẻ Căn cước cho công dân (*lũy kế đến thời điểm hiện tại đã thu nhận 1.458.991 hồ sơ cấp CCCD, CC; trong đó có 135.708 hồ sơ cấp Căn cước*). Đồng thời, thực hiện thu nhận và tuyên truyền, hướng dẫn người dân kích hoạt, sử dụng: 761.539 tài khoản VNeID. Qua đó, đã giúp người dân sử dụng được nhiều tiện ích trên ứng dụng VNeID như: Sử dụng tài khoản VNeID đăng nhập Cổng dịch vụ công Quốc gia thực hiện các TTHC; sử dụng CCCD, Căn cước điện tử, sổ hộ khẩu điện tử, sổ sức khỏe điện tử, tích hợp và hiển thị các thông tin giấy tờ như đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Bảo hiểm y tế.

6. Về tạo lập dữ liệu dùng chung, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin

6.1. Về dữ liệu

a) Kết quả làm sạch dữ liệu của địa phương (*hộ tịch, GPLX, đất đai, tài khoản ngân hàng, cán bộ công chức viên chức, giáo dục, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp ...*)

(1) Dữ liệu hộ tịch: Sở Tư pháp và UBND huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện rà soát, làm sạch 1.712.079/1.712.079 dữ liệu hộ tịch, đạt 100%.

(2) Dữ liệu GPLX: đến nay, đã rà soát, làm sạch được 451.963/451.963 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%.

(3) Dữ liệu đất đai: đến nay, đã rà soát, làm sạch được 439.624/537.643 thông tin chủ sử dụng đất trùng khớp với dữ liệu dân cư, đạt tỷ lệ 81,7%.

(4) Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: đã thực hiện được 23.664 hồ sơ, đạt tỷ lệ 88,73%.

(5) Rà soát, làm sạch dữ liệu Thuế: đến nay, đã rà soát, làm sạch được 30.291/65.240 trường hợp, đạt tỷ lệ 46,43%.

(6) Dữ liệu BHYT, BHXH: Đến hết ngày 25/6/2025, hệ thống quản lý người tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh đã xác thực, đồng bộ thành công với CSDL quốc gia về dân cư tổng số là 960.138 người/961.000 thẻ BHYT còn giá trị sử dụng, đạt tỷ lệ 99,91%.

(7) Dữ liệu Doanh nghiệp: làm sạch 247/662 trường hợp, đạt 37,31%.

b) Tổ chức nhập dữ liệu các ngành phục vụ kết nối, chia sẻ, làm giàu dữ liệu: Nhập thông tin của Hội Nông dân 42.892 trường hợp, Hội Cựu chiến binh 7.591 trường hợp, Hội Người cao tuổi 49.378 trường hợp, Hội Chữ thập đỏ 7.396 trường hợp, Người lao động 378.619 trường hợp.

c) Kết quả thực hiện chuẩn hóa dữ liệu: UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện rà soát, làm sạch, cập nhật 100% TTHC đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về TTHC và quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, theo dõi, giám sát, đánh giá trong quá trình tổ chức thực hiện TTHC.

d) Về quản lý lưu trữ và đảm bảo ANAT theo cấp độ: Hiện trạng hạ tầng công nghệ của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đảm bảo hiệu năng lưu trữ và ANAT cấp độ 3 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) và hướng dẫn của Tổ Công tác A05, C06 của Bộ Công an.

e) Về đánh giá vấn đề đã tạo lập được dữ liệu dùng chung: Hoạt động của Trung tâm IOC: Hiện nay, tỉnh Vĩnh Long đang triển khai thí điểm Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh⁸, trong đó triển khai cung cấp khả năng tổng hợp, tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ; phân tích, xử lý dữ liệu theo nhu cầu, thống kê, báo cáo; giúp lãnh đạo các cấp có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy; mang đến hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội. Hiện tại, đang thu thập dữ liệu các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã trong khoảng thời gian 5 năm (2020-2025); chưa triển khai trung tâm IOC.

6.2. Về hạ tầng công nghệ thông tin

Thực hiện Chương trình 27, tỉnh đã cơ bản đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản đáp ứng phục vụ công tác hiện tại và công tác chuyển đổi số trong thời gian tới. Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy được đầu tư đúng theo hướng dẫn của Trung ương, có khả năng mở rộng trong thời gian tới; kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp cơ sở. Bảo đảm tuân thủ kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan Đảng và Quy định của Văn phòng Trung ương Đảng trong quá trình xây dựng, triển khai các phần mềm hệ thống thông tin. Các mô hình, sơ đồ kết nối các quy chuẩn tiêu chuẩn khoa học được áp dụng trong thiết kế chi tiết. Thường xuyên sao lưu dữ liệu dự phòng, đảm bảo cho các dịch vụ hệ thống, phần mềm hoạt động được liên tục.

Tỉnh đã tập trung triển khai thiết lập, vận hành thử nghiệm các phần mềm dùng chung quan trọng để thực hiện chính quyết 02 cấp và hợp nhất 03 tỉnh như:

⁸ CV số 4990/UBND-VX ngày 06/8/2024 của UBND tỉnh

phần mềm quản lý văn bản; thủ tục hành chính và mail điện tử,... Kết quả triển khai:

- Thống nhất chọn 10 hệ thống thông tin (trong số các hệ thống 3 tỉnh đều có triển khai) để tổ chức lại thành hệ thống thông tin dùng chung cho tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất gồm: (1) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (2) Hệ thống thông tin giải quyết Thủ tục hành chính; (3) Hệ thống thư điện tử; (4) Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP); (5) Hệ thống phân giải tên miền (DNS); (6) Nền tảng dành cho người dân, doanh nghiệp; (7) Hệ thống Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; (8) Hệ thống Cổng dữ liệu mở của tỉnh; (9) Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC); (10) Hệ thống hội nghị truyền hình. (Công văn số 4719/UBND VX, ngày 14/06/2025; Công văn số 4627/UBND VX, ngày 13/6/2025)

- Về hạ tầng số chung: Chuẩn bị sẵn sàng hạ tầng bảo đảm việc triển khai thực hiện hiệu quả, thông suốt, không bị gián đoạn khi thực hiện đóng giao diện Cổng dịch vụ công cấp tỉnh và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: đã hoàn thành cấu hình cấp xã: 124 (đầy đủ thông tin CBCC) và 100% đơn vị cấp tỉnh; đã vận hành thử nghiệm và hoàn thành triển khai vận hành chính thức từ ngày 01/7/2025.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: đã cấu hình 124 đơn vị cấp xã đã cập nhật lên hệ thống và cấu hình thông tin tài khoản. Các sở, ban, ngành đã hoàn chỉnh các thủ tục hành chính trình UBND tỉnh công bố và cấu hình vào hệ thống để vận hành thử nghiệm và triển khai vận hành chính thức vào 01/7/2025.

- Hệ thống thư điện tử: đã cấu hình 124 xã thuộc Vĩnh Long và 100% đơn vị cấp tỉnh

6.3. Về an ninh an toàn

Tỉnh đã ban hành Chương trình công tác của Tiểu ban An toàn, an ninh mạng tỉnh Vĩnh Long năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện trong Công an tỉnh⁹; kiện toàn Tổ ứng cứu sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin mạng tỉnh Vĩnh Long¹⁰. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 153/KH-CAT-PA05 ngày 28/4/2025 của Giám đốc Công an tỉnh về việc tuyên truyền, quán triệt các quy định về an ninh, an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng các hệ thống, thiết bị thuộc Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Dự án sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân.

Công tác kiểm tra, rà quét: Tổ chức rà soát 39 tên miền có chuỗi ký tự “vinhlong” trên không gian mạng, qua rà soát chưa phát hiện hoạt động lợi dụng tên miền giả mạo website của các cơ quan nhà nước;

Công tác phối hợp: Hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra an toàn thông tin Hệ thống thư điện tử tỉnh Vĩnh Long; giám sát điều chuyển hạ tầng, thiết bị mạng từ Văn phòng UBND tỉnh về Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh tại Sở Khoa học và Công nghệ; kiểm tra an toàn thông tin đối với Nền tảng quản lý vỉa hè, Cơ sở dữ liệu công chứng Sở Tư pháp; rà quét kiểm tra an toàn thông tin Cổng TTĐT phục

⁹ Chương trình số 02/CTr-TBATANM, ngày 17/01/2025 về Chương trình công tác của Tiểu ban An toàn, an ninh mạng năm 2025; Kế hoạch số 41/KH-CAT-PA05, ngày 21/02/2025 của Giám đốc Công an tỉnh triển khai thực hiện Chương trình công tác Tiểu ban An toàn, an ninh mạng tỉnh Vĩnh Long năm 2025.

¹⁰ Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 về việc thành lập Đội ứng cứu sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin mạng tỉnh Vĩnh Long.

vụ đề tài “Giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động tấn công trên không gian mạng, bảo đảm an ninh, an toàn Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh”.

Chỉ đạo Phòng PV01, PC06, PA06 kiểm tra: các thiết bị thuộc dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Dự án sản xuất, cấp căn cước công dân. Qua đó kiểm tra, lập biên bản hư hỏng đối với 08 thiết bị¹¹; hỗ trợ di dời và lắp đặt thiết bị về trụ sở mới đối với 03 đơn vị¹²; kiểm tra các thiết bị thuộc 02 dự án CSDL quốc gia về dân cư, dự án sản xuất, cấp căn cước công dân và bàn giao PC06 Công an Vĩnh Long đối với 08/08 Công an huyện, thị xã, thành phố; . Đồng thời, phối hợp kiểm tra về việc lắp đặt đường truyền cáp CCCD sau khi không tổ chức công an cấp huyện tại huyện Mang Thít, Vũng Liêm, Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và di dời thiết bị¹³ hệ thống mạng dữ liệu dân cư, mạng nội bộ Công an tỉnh, NVCB tại Công an xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng: Phân công cán bộ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giám sát an toàn toàn thông tin 24/7 đối với Hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung (SOC) và Hệ thống giám sát mã độc tập trung (Endpoint) trên địa bàn tỉnh; đánh giá thực trạng các mối đe dọa vào các hệ thống, thiết bị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, qua đó đã trao đổi với đơn vị vận hành để kịp thời xác minh, xử lý các sự kiện. Đồng thời, tham mưu Ban Giám đốc công văn đề nghị các đơn vị có liên quan (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường) triển khai bổ sung giám sát an toàn thông tin đối với 08 hệ thống thông tin kết nối Hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung tỉnh.

7. Về nguồn lực triển khai

a) Về kinh phí

Kết quả bố trí kinh phí triển khai Đề án 06 trong năm 2025: Tổng kinh phí bố trí: 22.915.067.768 đồng, trong đó:

- Kinh phí đầu tư các hạng mục hạ tầng CNTT: 6.519.721.768 đồng.
- Kinh phí phục vụ hoạt động thực hiện Đề án 06: 16.395.346.000 đồng.

b) Về nguồn nhân lực:

Tỉnh đã tổ chức 60 lớp tập huấn với 3.358 người tham dự theo hình thức vừa trực tiếp vừa trực tuyến liên quan lĩnh vực chuyên đổi số¹⁴. Tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, tỉnh đã tổ chức chương trình tập huấn Bình dân học vụ số: “Ứng dụng AI dành cho cán bộ, công chức và viên chức tỉnh Vĩnh Long”, gần 700 học viên là lãnh đạo các sở, ban ngành tỉnh; cán bộ UBND cấp xã; lãnh đạo cấp trường, phòng, ban, đơn vị chuyên môn, tổ chức chính trị- xã hội và cơ quan thông tin đại chúng tham gia lớp học. Các học viên được chuyên gia giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyên đổi số, kỹ năng số; tổng quan về trí tuệ nhân tạo AI và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước; ứng dụng trong quản lý hành chính và dịch vụ công; ứng dụng trong quản lý hành chính và dịch vụ công; tự

¹¹ 06 thiết bị thuộc Dự án CSDL QG về DC, 02 thiết bị thuộc Dự án Sản xuất và cấp CCCD

¹² Đội Cận sát QLHC về TTXH, Công an thị xã Bình Minh; Công an xã Song Phú, huyện Tam Bình; Công an thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ.

¹³ 04 máy tính, 04 màn hình máy tính, 03 máy in, 03 USB token.

¹⁴ Trong đó: có 13 khóa đào tạo trên nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCS) với 329 học viên; 03 lớp đào tạo (năng suất chất lượng, hệ thống quản lý chiến lược) với 53 người tham dự; 02 lớp đào tạo nâng cao nhận thức về ứng dụng trí tuệ nhân tạo với 482 người tham dự; 12 lớp hướng dẫn sử dụng tên miền quốc gia.vn với 1.484 người tham dự; 30 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC, hệ thống thông tin QL văn bản và điều hành với 1.010 người tham dự.

động hóa và các vấn đề cần lưu ý. Bên cạnh đó, lớp học còn có phần trao đổi, thảo luận trực tiếp giúp học viên tăng tính tương tác, thực hành hiệu quả.

Tổ chức các đợt đào tạo, tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ công chức viên chức các sở ngành tỉnh, UBND xã, lãnh đạo Phòng/Trung tâm xã và chuyên viên các phòng chuyên môn, phụ trách văn thư, tiếp nhận hồ sơ TTHC của 124 UBND cấp xã sau sắp xếp tổ chức, với hơn 4.351 lượt CCVC tham dự, phục vụ công tác thiết lập, vận hành thử nghiệm và chính thức chính quyền 02 cấp và hợp nhất 03 tỉnh vào ngày 01/7/2025. Qua đó, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, kỹ năng phối hợp, giải quyết công việc trong bối cảnh, bộ máy hành chính được sắp xếp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Các nội dung tập huấn xoay quanh việc hướng dẫn cán bộ, công chức cấp xã sử dụng các phần mềm, ứng dụng dùng chung, phục vụ công việc sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh, chữ ký số phù hợp với thực tiễn của địa phương.

8. Về triển khai các mô hình điểm của Đề án 06

a) Kết quả triển khai thực hiện 27 mô hình điểm:

* Công tác triển khai: Ngày 06/11/2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹⁵ triển khai thực hiện các mô hình điểm thuộc nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với 27 mô hình.

* Kết quả thực hiện, đến nay:

- Đã triển khai thực hiện 20/27 mô hình: ⁽¹⁾ Triển khai thực hiện 53 dịch vụ công thiết yếu; ⁽²⁾ Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công trực tuyến không sử dụng hồ sơ giấy; ⁽³⁾ Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên VNeID; ⁽⁴⁾ Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VNeID; ⁽⁵⁾ Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; ⁽⁶⁾ Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, KIOSK tự phục vụ; ⁽⁷⁾ Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe; ⁽⁸⁾ Triển khai cho vay tín chấp người thuộc hộ nghèo, người có công; ⁽⁹⁾ Đảm bảo điều kiện công dân số; ⁽¹⁰⁾ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP); ⁽¹¹⁾ Truyền thông nội bộ cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước; ⁽¹²⁾ Truyền thông chính sách qua hệ thống LED, Pano, Áp-phích, truyền thanh cơ sở, truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh thông minh, nền tảng số; ⁽¹³⁾ Triển khai tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID; ⁽¹⁴⁾ Triển khai tuyên truyền chính sách, hỗ trợ pháp lý qua ứng dụng VNeID, Trung tâm cuộc gọi (Call Centre); ⁽¹⁵⁾ Trung tâm giám sát an ninh mạng SOC tỉnh; ⁽¹⁶⁾ Triển khai nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến đại chúng mở (MOOC) để nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho các cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi phí đào tạo truyền thống; ⁽¹⁷⁾ Thông tin lý lịch tư pháp trên VNeID; ⁽¹⁸⁾ Tổ chức đào tạo, tập huấn an ninh, an toàn, bảo mật thông tin cho người sử dụng cuối (end use); ⁽¹⁹⁾ Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại các cơ sở khám chữa bệnh; ⁽²⁰⁾ Chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO).

- 05/27 mô hình đang triển khai: ⁽¹⁾ Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại nhà cho thuê, nhà ở trong khu công nghiệp; ⁽²⁾ Triển khai tích hợp thông tin Sổ sức khỏe điện tử, Sổ lao động điện tử trên VNeID; ⁽³⁾ Số hóa tạo lập dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, như: Hộ tịch, lao động xã hội, các tổ chức, hội, đoàn thể,... phục vụ cải cách TTHC; ⁽⁴⁾ Quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID;

¹⁵ Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 06/11/2023.

(5) Triển khai xác minh danh tính khách hàng tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (cơ sở cầm đồ, cơ sở khác).

- 2/27 mô hình chưa triển khai: ⁽¹⁾ Triển khai hệ thống quản lý trường học (Đang khảo sát và dự trù kinh phí thực hiện); ⁽²⁾ Quản lý chương trình An sinh xã hội thông qua VNeID (Chờ Bộ Nội vụ và Bộ Y tế hướng dẫn).

(chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo)

b) Kết quả triển khai 19 mô hình thúc đẩy Đề án 06 của Hà Nội trên địa bàn tỉnh

* Công tác triển khai:

- Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Công văn số 6321/UBND-TCDNC ngày 26/9/2024 về việc khẩn trương rà soát, triển khai thực hiện Công văn số 7611/TCTTKĐA ngày 20/9/2024 của Thủ ký Tổ Công tác triển khai Đề án 06; Công văn số 5232/UBND-TCDNC ngày 14/8/2024 về việc nghiên cứu, triển khai Công văn số 2643/TCTTKĐA ngày 07/8/2024 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ.

- Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của tỉnh ban hành Công văn số 610/TCTTKĐA ngày 10/10/2024 gửi các sở, ban, ngành tỉnh để nghiên cứu 19 mô hình thúc đẩy Đề án 06 của Hà Nội và lựa chọn đăng ký triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

* Kết quả thực hiện: Đến nay tỉnh Vĩnh Long đã và đang triển khai thực hiện 11 mô hình (trong đó có 03 mô hình đã thực hiện hoàn thành), các mô hình còn lại, các ngành không đăng ký triển khai thực hiện do điều kiện, tình hình thực tế của ngành, địa phương chưa đảm bảo.

c) Kết quả triển khai thực hiện Công văn số 2551/TCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ

* Công tác triển khai:

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 2141/UBND-TCDNC ngày 11/4/2024 khai thực hiện Công văn số 2551/TCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Thủ ký Tổ công tác Đề án 06 về nghiên cứu giải pháp, tổng hợp kinh nghiệm trong triển khai Đề án 06/CP.

- Tổ công tác triển khai Đề án 06 của tỉnh (Công an tỉnh) đã ban hành Công văn số 227/TCTTKĐA ngày 22/4/2024 phối hợp, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh rà soát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo 05 nhóm “Pháp lý - Hạ tầng - An ninh an toàn - Dữ liệu - Nguồn lực”.

* Kết quả thực hiện: Đến nay, đã có 08 đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá gồm: Sở Nội Vụ, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ.

9. Về tiến độ triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ

a) Công tác triển khai UBND tỉnh ban hành 06 văn bản: Công văn chỉ đạo tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ; triển khai thực hiện nhiệm vụ phục vụ cho lộ trình triển khai Đề án Trung tâm Dữ liệu quốc gia; đăng ký nhu cầu đặt cơ sở dữ liệu của tỉnh tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; đóng góp ý kiến đối với dự thảo Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm

tích hợp dữ liệu quốc gia (lần 1, 2)¹⁶ và Báo cáo¹⁷ kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương; đồng thời, chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) rà soát, cung cấp danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh phục vụ xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia¹⁸.

b) Kết quả số hóa dữ liệu đất đai, dữ liệu hộ tịch và dữ liệu ngành lao động

* Dữ liệu đất đai:

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện số hóa hồ sơ đất đai đính kèm file PDF lên hệ thống là 476.500/679.641 thửa đất trên địa bàn tỉnh, đạt tỷ lệ 70,11%.

* Dữ liệu hộ tịch: Đến ngày 09/5/2025, Sở Tư pháp và UBND huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện số hóa 1.712.079/1.712.079 dữ liệu hộ tịch, đạt 100%. Trong đó, đã cập nhật vào phần mềm 158 tổng số 1.712.079/1.712.079 dữ liệu, đạt 100%; đã đồng bộ vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp tổng số 1.712.079/1.712.079 dữ liệu, đạt 100%.

* Dữ liệu ngành lao động:

+ Số hóa hồ sơ chi trả trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp: 79.949/112.277, đạt tỷ lệ 71,21%. Số còn lại đang thực hiện, hoàn thành trong năm 2025.

+ Số hóa hồ sơ người có công với cách mạng: đính kèm tập tin đã scan lên phần mềm “Quản lý hồ sơ người có công với cách mạng” (phần mềm nội bộ, chưa liên kết với cơ sở dữ liệu dân cư): 85.808/85.808, đạt tỷ lệ 100%.

+ Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng: Đã cập nhật dữ liệu lên phần mềm “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và Cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội” (do Bộ Y tế quản lý): 50.028/50.028, đạt tỷ lệ 100%.

+ Dữ liệu trẻ em: Đã cập nhật thông tin lên “Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở” (do Bộ Y tế quản lý): 160.568/199.109, đạt tỷ lệ 80,64%, số còn lại đang thực hiện cập nhật thông tin lên hệ thống.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Các cấp, các ngành tiếp tục cụ thể hóa các nhiệm vụ được phân công để triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ Công an các cấp luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm trong công việc, cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Đề án.

- Công tác tuyên truyền tiếp tục được triển khai sâu rộng trong quần chúng Nhân dân, giúp người dân nắm rõ hơn về mục đích, ý nghĩa trong việc thực hiện Đề án, từ đó tạo được sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân.

¹⁶ Công văn số 6552/UBND-VX ngày 15/11/2023; Công văn số 389/UBND-VX ngày 19/01/2024; Công văn số 72/UBND-VX ngày 28/4/2024; Công văn số 2858/UBND-VX ngày 15/5/2024; Công văn số 5102/UBND-VX ngày 09/8/2024.

¹⁷ Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 05/6/2024.

¹⁸ Công văn số 1599/STTTT-CĐS ngày 26/8/2024.

- Các TTHC tiếp tục được công khai, tích hợp kịp thời trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh; qua đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

a) Tồn tại, hạn chế

- Thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực người dân tham gia dịch vụ công trực tuyến tỷ lệ còn thấp, cụ thể như: cụ thể như: Tòa án tỉnh, tỷ lệ 0%; Nông nghiệp và Môi trường, tỷ lệ 0%; Bảo hiểm xã hội tỉnh, tỷ lệ 0,03%; Thuế (*Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân*), tỷ lệ 0%,...

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế: Một số dịch vụ công yêu cầu phải am hiểu và sử dụng thành thạo về công nghệ, chưa thân thiện với người dùng, dẫn đến tỷ lệ người dân tham gia còn thấp.

b) Khó khăn, vướng mắc

Hiện nay, tỉnh đã triển khai thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế, giáo dục. Tuy nhiên, nhiều người dân ở địa bàn nông thôn không có tài khoản ngân hàng nên còn gặp khó khăn trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện.

3. Bài học kinh nghiệm

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án phải có sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp; phải thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đồng thời, phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành và địa phương.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền với các hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng; vận dụng sáng tạo, linh hoạt, chú trọng những tiện ích khi sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, cách thức tạo lập tài khoản sử dụng dịch vụ công, 05 nhóm tiện ích của Đề án 06, nhiệm vụ và giải pháp của các bộ, ngành, địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ để người dân, doanh nghiệp lựa chọn tối đa việc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, qua đó giúp doanh nghiệp, người dân dễ nắm bắt, tiếp cận, tích cực tham gia tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trực tiếp tham mưu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06, đào tạo kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành, trình độ, khả năng am hiểu về công nghệ thông tin và thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu đáp ứng yêu cầu công tác.

- Kịp thời nâng cấp, đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị an toàn, an ninh thông tin.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương

Tình hình thế giới, khu vực trong thời gian tới được dự báo còn rất phức tạp, nhiều diễn biến mới khó lường. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới suy giảm, nguy cơ cao xảy ra “chiến tranh thương mại toàn cầu”, tác động lớn đến niềm tin, tâm lý kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Tình hình cả nước nói chung và Vĩnh Long nói riêng tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn, thách thức, nhất là từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm, diễn biến bất thường của thời tiết,... Tuy nhiên, tình hình kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp và các kế hoạch về đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng và thi hành pháp luật sẽ tạo không gian phát triển mới; động lực tăng trưởng mới.

2. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm

- Tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an và các bộ, ngành Trung ương có liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao của Đề án theo yêu cầu, tiến độ quy định; triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện các mô hình điểm thuộc nhiệm vụ của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Chỉ đạo Công an tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức thu nhận hồ sơ cấp Căn cước, Giấy chứng nhận Căn cước và kết hợp thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử cho công dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn người dân kích hoạt sử dụng tài khoản VNeID; thường xuyên thực hiện công tác làm sạch dữ liệu, đảm bảo dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”; tập trung ưu tiên nguồn lực hoàn thành việc triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng tiến độ và yêu cầu tại Đề án.

- Duy trì họp giao ban tuần để theo dõi, đánh giá, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh và chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các nhiệm vụ còn chậm.

- Tiếp tục triển khai quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, các nhiệm vụ của Đề án 06, nhất là tuyên truyền Luật Căn cước năm 2023, trọng tâm là các điểm mới của Luật Căn cước; Luật dữ liệu; các tiện ích của việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Căn cước gắn chip điện tử, tài khoản VNeID phù hợp với tình hình địa phương.

- Các sở, ban, ngành khẩn trương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tập trung chỉ đạo chuyển đổi số trong những ngành, lĩnh vực trọng điểm, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh, đồng thời ưu tiên bố trí đủ nguồn lực để hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết 57-NQ/TW trong năm 2025.

- Rà soát các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong khung Kế hoạch hành động của tỉnh trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị để nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa phù hợp với thực tiễn của tỉnh; rà soát, hoàn thiện quy trình TTHC đáp ứng điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá định kỳ việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm tiến độ, chất lượng, nhất là với các mục tiêu cụ thể về hạ tầng, nhân lực, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, số hóa dữ liệu.

- Tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ trọng tâm từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 của Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Bộ Công an

- Đơn giản hóa báo cáo định kỳ hàng ngày, tuần về kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo. Đồng thời, điều chỉnh thời gian chốt số liệu theo đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

- Các văn bản của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 đề nghị gửi qua Trục liên thông văn bản quốc gia để địa phương triển khai, thực hiện kịp thời hơn.

2. Các bộ, ngành Trung ương: Ban hành kịp thời các Quyết định công bố TTHC và gửi trên Trục liên thông văn bản quốc gia để địa phương kịp thời công bố danh mục TTHC và đảm bảo về thời gian công bố theo quy định.

Trên đây là báo cáo sơ kết 06 tháng đầu năm 2025 về triển khai thực hiện Đề án 06 (kèm theo các Phụ lục); Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Vĩnh Long kính gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) theo dõi, tổng hợp theo quy định./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- LĐ. VPUBND tỉnh;
- Công an tỉnh (PC06);
- UBND các xã, phường;
- BTCDNC, TT.PVHCC, VHXX, THCB;
- Lưu: VT, 11.TCDNC.



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
Đại tá Phan Ngọc Tính

Phụ lục: Danh mục các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh
 (Kèm theo Báo cáo số: 02 /BC-BCĐ-ĐA06 ngày 08/07/2025
 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

STT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu
1.	8266/UBND-TCĐNC	09/12/2024	V/v thực hiện các nhiệm vụ được giao của Đề án 06 trong lĩnh vực hộ tịch và lý lịch tư pháp
2.	8336/UBND-PVHCC	11/12/2024	V/v chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu cung cấp bản sao chứng thực từ bản chính khi thực hiện TTHC
3.	584/BC-UBND	11/12/2024	Báo cáo Sơ kết triển khai thực hiện Đề án 06/CP năm 2024
4.	8369/UBND-PVHCC	12/12/2024	V/v cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản QPPL
5.	8375/UBND-TCĐNC	12/12/2024	V/v rà soát, triển khai thực hiện Báo cáo số 2781/BC-TCTTKĐA ngày 30/11/2024 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06/CP
6.	2574/QĐ-UBND	12/12/2024	Về việc phê duyệt dự toán Mua sắm thiết bị Hệ thống tường lửa cơ sở dữ liệu
7.	2592/QĐ-UBND	13/12/2024	Quyết định Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
8.	8456/UBND-TCĐNC	16/12/2024	V/v tham mưu triển khai thực hiện Công điện số 133/CĐ-TTg ngày 14/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ V/v đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Đề án 06 phục vụ người dân, doanh nghiệp
9.	8494/UBND-VX	16/12/2024	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
10.	8497/UBND-VX	16/12/2024	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dữ liệu

11.	2616/QĐ-UBND	17/12/2024	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm thiết bị Hệ thống tường lửa cơ sở dữ liệu
12.	318/GM-UBND	18/12/2024	Giấy mời Giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến nhiệm vụ triển khai số hóa dữ liệu hộ tịch phục vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh
13.	8563/UBND-VX	18/12/2024	V/v triển khai thực hiện Quyết định số 1588/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
14.	8582/UBND-TCĐNC	19/12/2024	V/v triển khai thực hiện Công điện số 133/CD-TTg ngày 14/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ
15.	8661/UBND-TCĐNC	20/12/2024	V/v tham mưu văn bản chỉ đạo thực hiện việc số hóa dữ liệu hộ tịch
16.	8782/UBND-VX	24/12/2024	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dữ liệu
17.	135/TB-UBND	24/12/2024	Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến nhiệm vụ số hóa dữ liệu hộ tịch và số hóa dữ liệu đất đai phục vụ triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh
18.	8878/UBND-TCĐNC	27/12/2024	V/v khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch
19.	8879/UBND-VX	27/12/2024	V/v phúc đáp Tờ trình số 2694/TTr-STP và Tờ trình số 2706/TTr-STP của Giám đốc Sở Tư pháp
20.	8902/UBND-VX	27/12/2024	V/v triển khai Công văn số 10119/TCTTKĐA06-QLHC của Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử
21.	2702/QĐ-UBND	27/12/2024	Quyết định ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long năm 2025 và định hướng đến năm 2030

22.	625/BC-UBND	30/12/2024	Báo cáo Lộ trình thực hiện số hóa hộ tịch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
23.	138/TB-UBND	30/12/2024	Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Trưởng Tiểu Ban An toàn, An ninh mạng tại Hội nghị tổng kết hoạt động Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Tiểu Ban An toàn, An ninh mạng năm 2024 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
24.	9016/UBND-TC DNC	31/12/2024	V/v rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến triển khai Đề án 06
25.	108/KH-UBND	31/12/2024	Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
26.	17/QĐ-UBND	07/01/2025	Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Điện lực thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long
27.	34/QĐ-UBND	10/01/2025	Về việc điều chỉnh nguồn kinh phí thực hiện và thời gian thực hiện Mua sắm thiết bị Hệ thống tường lửa cơ sở dữ liệu
28.	261/UBND-VX	13/01/2025	V/v tham mưu sử dụng hệ thống quản lý nhà trường SMAS
29.	281/UBND-PVHCC	14/01/2025	V/v tham mưu góp ý nội dung tái cấu trúc quy trình TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Y tế
30.	40/QĐ-UBND	14/01/2025	Quyết định Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long
31.	21/BC-UBND	16/01/2025	Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong tháng 01/2025

32.	356/UBND-VX	16/01/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Dữ liệu được giao tại Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024
33.	403/UBND-VX	17/01/2025	V/v triển khai thực hiện Quyết định số 75/QĐ-TTg ngày 11/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dữ liệu
34.	410/UBND-VX	17/01/2025	V/v triển khai Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện NQ số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
35.	419/UBND-PVHCC	20/01/2025	V/v góp ý nội dung tái cấu trúc quy trình TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Y tế
36.	08/TTr-UBND	03/02/2025	Về việc tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030
37.	617/UBND-VX	03/02/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng ban hành Danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi
38.	628/UBND-TC DNC	04/02/2025	V/v tiếp tục rà soát, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến triển khai Đề án 06
39.	21/GM-UBND	04/02/2025	Giấy mời Hội nghị trực tuyến tổng kết hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025
40.	177/QĐ-UBND	06/02/2025	Về việc đính chính Đề án Chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long năm 2025 và định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND

			ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long
41.	740/UBND-VX	07/02/2025	V/v hợp nhất Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh
42.	892/UBND-VX	13/02/2025	V/v triển khai thực hiện Thông tư số 08/2025/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an
43.	901/UBND-VX	13/02/2025	V/v tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh
44.	221/QĐ-UBND	14/02/2025	Quyết định Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
45.	63/BC-UBND	17/02/2025	Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong tháng 02/2025
46.	249/QĐ-UBND	19/02/2025	Quyết định Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Luật sư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
47.	1047/UBND-PVHCC	19/02/2025	V/v giải quyết TTHC trong thời gian triển khai thực hiện phương án tổng thể sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh
48.	41a/TTr-UBND	27/02/2025	Về việc xin chủ trương thông qua dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
49.	1293/UBND-VX	27/02/2025	V/v triển khai thực hiện Thông báo số 56/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ
50.	1379/UBND-VX	03/03/2025	V/v triển khai Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025

			của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy
51.	1380/UBND-TC DNC	03/03/2025	V/v tiếp tục hoàn thành số hóa sổ hộ tịch và sử dụng dữ liệu hộ tịch đã số hóa
52.	1423/UBND-PVHCC	04/03/2025	V/v thực hiện TTHC khi sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy
53.	1440/UBND-PVHCC	05/03/2025	V/v khẩn trương rà soát, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế và đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến triển khai Đề án 06
54.	18/KH-UBND	06/03/2025	Kế hoạch Cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
55.	386/QĐ-UBND	10/03/2025	Về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý và tổ chức triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
56.	20/KH-UBND	10/03/2025	Kế hoạch Triển khai thi hành Luật Dữ liệu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
57.	1627/UBND-VX	10/03/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 1868/VPCP-KSTT của Văn phòng Chính phủ về thực hiện kiến nghị, đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông về triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử
58.	23/KH-UBND	13/3/2025	Triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025
59.	1719/UBND-PVHCC	13/3/2025	V/v thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm TTHC cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển KTXH
60.	1728/UBND-PVHCC	13/3/2025	V/v tham mưu góp ý dự thảo Nghị quyết phê duyệt Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC
61.	1770/UBND-VX	14/3/2025	V/v rà soát, đánh giá cơ chế, chính sách có liên quan tới hoạt động quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thực tiễn thi

			hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP của Chính phủ
62.	427/QĐ-UBND	14/3/2025	Quyết định Phê duyệt Kế hoạch triển khai quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025
63.	52/GM-UBND	16/3/2025	Giấy mời Hội nghị trực tuyến Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
64.	115/BC-UBND	17/3/2025	Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong tháng 3/2025
65.	1806/UBND-VX	17/3/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/NQ-CP
66.	1814/UBND-PVHCC	17/3/2025	V/v góp ý dự thảo Nghị quyết phê duyệt Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC
67.	1827/UBND-TCDNC	17/3/2025	V/v triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo
68.	1857/UBND-VX	19/3/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và Công kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng
69.	57/GM-UBND	20/3/2025	Giấy mời v/v Rà soát các nội dung có liên quan đến nhiệm vụ triển khai số hóa Bệnh án điện tử ngành Y tế phục vụ Chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh

70.	1959/UBND-VX	21/3/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0
71.	1963/UBND-VX	21/3/2025	V/v báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
72.	28/KH-UBND	21/3/2025	Kế hoạch Thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2025
73.	2043/UBND-TCĐNC	25/3/2025	V/v báo cáo kết quả số hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh
74.	2044/UBND-PVHCC	25/3/2025	V/v tham mưu góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng DVCTT
75.	2045/UBND-TCĐNC	25/3/2025	V/v đề xuất của Công an tỉnh tại Công văn số 691/CAT-PC06 ngày 19/3/2025
76.	2046/UBND-TCĐNC	25/3/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 1418/TCTTKĐA ngày 14/3/2025 của Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử
77.	2131/UBND-VX	27/3/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật phục vụ liên thông với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia
78.	2153/UBND-VX	28/3/2025	V/v triển khai Quyết định số 292/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
79.	2185/UBND-PVHCC	28/3/2025	V/v tham mưu Kế hoạch thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

80.	2195/UBND-TC DNC	28/3/2025	V/v khẩn trương triển khai số hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh
81.	2207/UBND-PVHCC	31/3/2025	V/v góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng DVCTT
82.	2215/UBND-TC DNC	31/3/2025	V/v bổ sung nhiệm vụ thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025
83.	2235/UBND-TC DNC	31/3/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 3860-CV/TU ngày 25/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long v/v thực hiện Chỉ thị 7/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ
84.	554/QĐ-UBND	02/4/2025	Quyết định Về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Vĩnh Long
85.	2295/UBND-TC DNC	02/4/2025	V/v kiểm tra, rà soát kết quả triển khai số hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh
86.	2313/UBND-VX	02/4/2025	V/v rà soát, báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch chuyển đổi số
87.	2318/UBND-VX	02/4/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo các Thông tư hướng dẫn liên quan đến đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
88.	2322/UBND-PVHCC	02/4/2025	V/v tham mưu chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến toàn trình năm 2025
89.	2361/UBND-TC DNC	03/4/2025	V/v tổ chức triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu hộ tịch
90.	2369/UBND-TC DNC	03/4/2025	V/v tiếp tục khẩn trương triển khai số hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh
91.	2475/UBND-PVHCC	08/4/2025	V/v chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến toàn trình năm 2025
92.	2479/UBND-TC DNC	08/4/2025	V/v khẩn trương rà soát, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế và đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến triển khai Đề án 06

93.	2500/UBND-TC DNC	08/4/2025	V/v tham mưu ý kiến phản ánh, kiến nghị đối với các văn bản quy phạm pháp luật để phục vụ phát triển kinh tế, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
94.	2526/UBND-PVHCC	09/4/2025	V/v khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính
95.	2660/UBND-VX	14/4/2025	V/v khẩn trương thực hiện đẩy mạnh số hóa dữ liệu và xử lý công việc trên môi trường mạng
96.	2674/UBND-VX	14/4/2025	V/v triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật chương trình hành động của CP thực hiện NQ số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
97.	42/KH-UBND	15/4/2025	Kế hoạch Thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
98.	172/BC-UBND	15/4/2025	Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong tháng 4/2025
99.	173/BC-UBND	15/4/2025	Báo cáo Phản ánh, kiến nghị về các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh
100.	2795/UBND-PVHCC	18/4/2025	V/v tổng hợp khó khăn, vướng mắc về thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính
101.	2801/UBND-VX	18/4/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học,

			công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức
102.	2824/UBND-VX	18/4/2025	V/v triển khai thực hiện Thông báo số 171/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về kết luận Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
103.	2825/UBND-VX	18/4/2025	V/v triển khai thí điểm kết nối dữ liệu Y tế tỉnh Vĩnh Long đến Trung tâm điều phối dữ liệu ngành Y tế
104.	2839/UBND-PVHCC	18/4/2025	V/v chỉ đạo triển khai thực hiện nội dung liên quan tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ
105.	2840/UBND-VX	18/4/2025	V/v chuẩn bị nội dung phiên họp chuyên đề về bán dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
106.	47/KH-UBND	21/4/2025	Kế hoạch Tuyên truyền Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025
107.	2905/UBND-VX	22/4/2025	V/v báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
108.	2914/UBND-VX	22/4/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức
109.	2958/UBND-PVHCC	23/4/2025	V/v báo cáo kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết số 66/NQ-CP
110.	3140/UBND-PVHCC	28/4/2025	V/v kết quả thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của

			Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026
111.	136/TTr-UBND	29/4/2025	Về việc tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
112.	3214/UBND-TCDC	29/4/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 1677/BCA-C06 ngày 28/4/2025 của Bộ Công an v/v điều chỉnh quy trình nghiệp vụ nhằm cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử; rà soát nội dung các lĩnh vực đã có sự hợp tác với Lào, Singapore và Hàn Quốc
113.	3271/UBND-TCDC	05/5/2025	V/v tiếp tục rà soát, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế và đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến triển khai Đề án 06
114.	3286/UBND-PVHC	05/5/2025	V/v triển khai thực hiện Công điện số 56/CĐ-TTg ngày 04/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ
115.	3294/UBND-PVHC	06/5/2025	V/v phân định thẩm quyền giải quyết TTHC của chính quyền cấp huyện
116.	3323/UBND-PVHC	06/5/2025	V/v rà soát danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến toàn trình
117.	3446/UBND-TCDC	09/5/2025	V/v rà soát các loại giấy tờ có thể tích hợp thông tin trên ứng dụng VNeID; nội dung các lĩnh vực đã có sự hợp tác với Lào, Singapore và Hàn Quốc
118.	3448/UBND-VX	09/5/2025	V/v đăng ký dự án đầu tư công, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

119.	3485/UBND-VX	12/5/2025	V/v báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
120.	3553/UBND-TCĐNC	13/5/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 1961/BCA-C06 ngày 12/5/2025 của Bộ Công an V/v tổ chức, hướng dẫn 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia thực hiện lấy kiện với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 2013 qua ứng dụng VNeID
121.	233/BC-UBND	15/5/2025	Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong tháng 5/2025
122.	108/GM-UBND	16/5/2025	Giấy mời Hội nghị trực tuyến Phiên họp lần thứ hai Ban Chỉ đạo Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
123.	3726/UBND-VX	20/5/2025	V/v tham mưu triển khai Quyết định số 929/QĐ-TTg, Quyết định số 930/QĐ-TTg và Quyết định số 931/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
124.	3811/UBND-VX	23/5/2025	V/v sử dụng Hệ thống giám sát, đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ
125.	3813/UBND-VX	23/5/2025	V/v triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh
126.	3814/UBND-VX	23/5/2025	V/v triển khai Công văn số 1736/BKHCN-CĐSQG của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ V/v Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (Phiên bản 1.0)
127.	4002/UBND-VX	28/5/2025	V/v báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh
128.	4010/UBND-PVHCC	29/5/2025	V/v cập nhật kết quả thống kê rà soát, cắt giảm TTHC, điều kiện kinh doanh, chi phí tuân thủ TTHC

129.	4077/UBND-VX	30/5/2025	V/v triển khai Quyết định số 970/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan tổ chức
130.	265/BC-UBND	30/5/2025	Báo cáo kết quả rà soát, đề xuất phương án thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
131.	4140/UBND-TCĐNC	02/6/2025	V/v đề xuất của Giám đốc Công an tỉnh - Phó Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong tháng 5/2025
132.	58/KH-UBND	03/6/2025	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
133.	4225/UBND-PVHCC	04/6/2025	V/v khẩn trương xây dựng và trình phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 329/KH-BCA-BTP-TANDTC ngày 31/5/2025
134.	4415/UBND-TCĐNC	05/6/2025	V/v khẩn trương triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06
135.	1084/QĐ-UBND	05/6/2025	Quyết định Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ, Sở hữu trí tuệ, Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long
136.	4241/UBND-PVHCC	05/6/2025	V/v triển khai giao diện đa ngôn ngữ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
137.	4242/UBND-PVHCC	05/6/2025	V/v rà soát danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc

			phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng
138.	4243/UBND-PVHCC	05/6/2025	V/v triển khai Công Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất quốc gia
139.	4260/UBND-PVHCC	05/6/2025	V/v tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng
140.	4264/UBND-PVHCC	05/6/2025	V/v triển khai Công văn số 4725/VPCP-KSTT ngày 28/5/2025 của Văn phòng Chính phủ V/v hướng dẫn cập nhật thông tin, dữ liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia; nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính
141.	4487/UBND-VX	09/6/2025	V/v báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy định của Luật Dữ liệu
142.	4535/UBND-VX	11/6/2025	V/v tham mưu phương án triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh Vĩnh Long mới sau hợp nhất
143.	4577/UBND-PVHCC	11/6/2025	V/v triển khai, thực hiện Quyết định số 997/QĐ-BKHCN ngày 28/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố danh mục TTHC đủ điều kiện để triển khai cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần và dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
144.	4615/UBND-PVHCC	12/6/2025	V/v tiếp nhận và giải quyết TTHC khi sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương
145.	60/KH-UBND	13/6/2025	Kế hoạch v/v Triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
146.	4627/UBND-VX	13/6/2025	V/v thống nhất phương án triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất
147.	4632/UBND-TC DNC	13/6/2025	V/v tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan của Đề án 06
148.	4640/UBND-VX	13/6/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 5074/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ V/v triển khai Thông báo

			kết luận của Tổng Bí thư tại Phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo
149.	4655/UBND-PVHCC	13/6/2025	V/v rà soát DVC trực tuyến và tái cấu trúc quy trình TTHC
150.	4683/UBND-VX	13/6/2025	V/v triển khai thực hiện Thông báo số 292/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về kết luận Phiên họp lần thứ hai Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
151.	4688/UBND-VX	13/6/2025	V/v triển khai Công văn số 4352-CV/TU ngày 08/6/2025 của Tỉnh ủy về tham mưu, thực hiện Thông báo số 04-TB/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương
152.	4693/UBND-PVHCC	13/6/2025	V/v thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp
153.	1141/QĐ-UBND	13/6/2025	Quyết định Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long
154.	293/BC-UBND	14/6/2025	Kết quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong tháng 6/2025
155.	4719/UBND-VX	14/6/2025	V/v thống nhất phương án chọn Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Hệ thống thông tin QLVB và điều hành, Hệ thống hợp trực tuyến của tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất
156.	4720/UBND-PVHCC	14/6/2025	V/v đôn đốc, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
157.	4723/UBND-PVHCC	14/6/2025	V/v triển khai thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công
158.	4735/UBND-VX	14/6/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến

159.	4829/UBND-PVHCC	17/6/2025	V/v phát triển Công Dịch vụ công quốc gia trở thành “một cửa sổ” tập trung, duy nhất của quốc gia
160.	4831/UBND-PVHCC	17/6/2025	V/v triển khai thực hiện Quyết định số 1721/QĐ-BTP ngày 11/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp V/v ban hành Kế hoạch thực hiện đợt cao điểm 90 ngày đêm làm sạch dữ liệu hôn nhân và triển khai cắt giảm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
161.	4832/UBND-PVHCC	17/6/2025	V/v triển khai, thực hiện Quyết định số 2026/QĐ-BTC ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của Bộ Tài chính
162.	4857/UBND-PVHCC	17/6/2025	V/v góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định ban hành Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
163.	4864/UBND-VX	17/6/2025	V/v báo cáo tình hình hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh
164.	1173/QĐ-UBND	18/6/2025	Quyết định v/v ban hành Danh mục mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
165.	4875/UBND-PVHCC	18/6/2025	V/v rà soát, thống kê danh mục TTHC sau hợp nhất tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long
166.	4881/UBND-VX	18/6/2025	V/v hợp nhất hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu của tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất
167.	4909/UBND-PVHCC	19/6/2025	V/v triển khai, thực hiện Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 17/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm thực hiện thủ tục hành chính thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

168.	4916/UBND-VX	19/6/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT
169.	4917/UBND-VX	19/6/2025	V/v triển khai Quyết định số 1169/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030”
170.	4918/UBND-PVHCC	19/6/2025	V/v thực hiện điều chỉnh Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để kết nối với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung từ ngày 01/7/2025
171.	4958/UBND-PVHCC	19/6/2025	V/v góp ý các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ
172.	4978/UBND-PVHCC	20/6/2025	V/v triển khai, thực hiện Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình
173.	4993/UBND-PVHCC	20/6/2025	V/v góp ý dự thảo Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh
174.	4995/UBND-PVHCC	20/6/2025	V/v góp ý dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
175.	142/GM-UBND	23/6/2025	Giấy mời Hội nghị trực tuyến hướng dẫn thực hiện khảo sát phục vụ triển khai dự án “Công nghệ thông tin cho Trung Tâm dữ liệu quốc gia số 1”
176.	5073/UBND-VX	23/6/2025	V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2025

			của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
177.	5088/UBND-PVHCC	23/6/2025	V/v triển khai, thực hiện Công văn số 2713/BCA-C06 ngày 21/6/2025 của Bộ Công an về việc hướng dẫn quy trình cập nhật, làm sạch dữ liệu tình trạng hôn nhân và chế độ thông tin báo cáo theo Kế hoạch số 329/KH-BCA-BTP-TANDTC
178.	5089/UBND-PVHCC	23/6/2025	V/v triển khai thực hiện Đại lý dịch vụ công trực tuyến
179.	5094/UBND-PVHCC	23/6/2025	V/v kết quả rà soát và đề xuất phương án cắt giảm việc nộp/xuất trình giấy tờ hồ tịch trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính
180.	5176/UBND-PVHCC	24/6/2025	V/v góp ý dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an
181.	5181/UBND-PVHCC	25/6/2025	V/v góp ý dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
182.	5231/UBND-VX	25/6/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 4133/CV-TCT của Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06
183.	5264/UBND-VX	25/6/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 2723/BCA-C06 của Bộ trưởng Bộ Công an
184.	5277/UBND-PVHCC	26/6/2025	V/v góp ý dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC nội bộ trong hệ thống HCNN thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
185.	5324/UBND-PVHCC	26/6/2025	V/v góp ý dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an
186.	5390b/UBND-VX	30/6/2025	V/v khẩn trương triển khai thực hiện Công văn số 2850/TCT của Tổ công tác triển khai Đề án 06 cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06

187.	5395/UBND-VX	30/6/2025	V/v khẩn trương triển khai thực hiện Công điện số 101/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
188.	5418/UBND-TCDNC	30/6/2025	V/v xây dựng báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2025 về kết quả triển khai Đề án 06
189.	5447/UBND-VX	30/6/2025	V/v khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch số 379/KH-TCTTKĐA của Tổ công tác triển khai Đề án 06 cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06
190.	5464/UBND-VX	30/6/2025	V/v triển khai Công văn số 2890/TCT06 của Tổ công tác triển khai Đề án 06, Cải cách hành chính và Chuyển đổi số gắn với Đề án 06

PHỤ LỤC 01 DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ, KINH TẾ SỐ VÀ CÔNG DÂN SỐ					
STT	DANH MỤC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO	MỤC TIÊU	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
A	VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ				
1	Năm 2025				
1	Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
2	Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
3	Hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥80	100
4	Người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥90	88,31
5	TTHC của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥20	34,11%
6	Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	100
7	Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
8	Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
9	Hồ sơ giải quyết TTHC được gắn định danh cá nhân	%	Thông báo 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025	100	100
10	Các cơ sở dữ liệu quốc gia cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các bộ, ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
11	100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các TTHC được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các TTHC.		Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024		85,65% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa; tái sử dụng thông tin dữ liệu đã số hóa đạt 78,53%

12	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.		Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021		Đạt
13	Hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
14	90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021		100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)
15	100% các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng được mạng lưới chuyển đổi số đến tận cấp cơ sở với đội ngũ thành viên được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng làm nông cốt cho tiến trình chuyển đổi số trong các ngành, các cấp	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	100	100
16	Cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	100	100
17	Đào tạo được tối thiểu 1.000 chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số quốc gia.	số người	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	≥1.000	
18	100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 80% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến, 40% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến		Thông báo 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025		100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 49,60% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến.
19	Cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số và được đánh giá trực tuyến kết quả đào tạo qua Hệ thống đánh giá, sát hạch chuẩn kỹ năng số quốc gia	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	100	
20	Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh: cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC, ít nhất 30% chi phí tuân thủ TTHC, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh		Công điện 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025		Báo cáo số 67/BC-VPUBND ngày 27/5/2025 của Văn phòng UBND tỉnh
21	100% TTHC nội bộ được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa phù hợp với quy định mới của pháp luật về phân cấp, phân quyền, ủy quyền và việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	%	Công điện 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025	100	100 (Báo cáo số 5341/UBND-PVHCC ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh)
22	100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tiếp, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, minh bạch, giảm tối đa giấy tờ; tổ chức triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	%	Công điện 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025	100	100

23	100% sân bay, bến cảng, cửa khẩu ứng dụng công nghệ sinh trắc học trên nền tảng VneID	%	Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 14/3/2025	100	
II. Giai đoạn 2026 - 2027					
1	Các cơ sở dữ liệu quốc gia trong danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử hoàn thành việc số hóa, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả; được kết nối, chia sẻ với kho dữ liệu tổng hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và kết nối, chia sẻ trên phạm vi toàn quốc	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
2	Dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥50	
3	Nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥70	
4	Cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	
5	Hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥50	
6	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	
7	Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	
8	Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
9	Tích hợp kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng đơn vị; tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	≥70	
10	Dữ liệu không gian địa lý ngành Tài nguyên và Môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước... dưới dạng dịch vụ bản đồ và có thể chia sẻ cho các hệ thống thông tin của những lĩnh vực có sử dụng dịch vụ dữ liệu không gian địa lý kết nối, khai thác sử dụng	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
11	Dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối về trung tâm giám sát tập trung của ngành Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
12	Dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi và các trung tâm logistics được số hóa, cập nhật kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
13	Các dữ liệu về y tế được xây dựng, tổ chức phù hợp với định hướng phân cấp quản lý từ trung ương đến địa phương để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	95	

14	Các cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không tổn công sức và chi phí để xử lý lại dữ liệu, hoặc thu thập lại dữ liệu), đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, đảm bảo sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo điều hành, ban hành chính sách của cơ quan nhà nước và phục vụ phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho phát triển kinh tế số, xã hội số.	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
III. Giai đoạn 2027 - 2030					
1	Cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	
2	Công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	
3	Các Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, khu vực, Trung tâm cấp quốc gia về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao trên cả nước được bảo đảm kết nối thành công, tạo thành một mạng lưới chia sẻ năng lực tính toán, xử lý dữ liệu lớn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của đất nước	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
4	Các Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ và các Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động Make in Viet Nam đảm bảo sẵn sàng đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Việt Nam, nhu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật thông tin theo cấp độ quy định của Luật An toàn thông tin mạng.	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
B. VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ					
1. Năm 2025					
1	Số người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	70	
2	Cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	50	
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	50	
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
5	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	
6	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	50	
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	30	

9	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	90	22,01%
10	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	
12	Người sử dụng internet có cơ hội tiếp cận hoạt động nâng cao nhân thức, kỹ năng và công cụ đảm bảo an ninh an toàn mạng	%	Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022	80	
13	Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông và tối thiểu 40% số ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học		Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024		
Giải đoạn 2026 - 2030					
1	Số người dân trong độ tuổi lao động biết đến các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; thành thạo cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	90	
2	Cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	80	
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	
5	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	100	
6	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	50	
9	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	95	
10	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	100	
11	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	95	
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	95	
13	Người sử dụng internet có cơ hội tiếp cận hoạt động nâng cao nhận thức, kỹ năng và công cụ bảo đảm an toàn, an ninh mạng	%	Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022	90	
C VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ					
Năm 2025					

1	Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GDP	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	20	Theo kết quả công bố của Cục Thống kê, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP của tỉnh Vĩnh Long năm 2024 là 8,58%. (Hiện nay chỉ tiêu này chỉ được công bố định kỳ hàng năm, chưa thực hiện công bố định kỳ theo 6 tháng nên không có số liệu tiến độ)
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=10	Hiện nay, Cục Thống kê chỉ công bố cho cấp tỉnh số tổng chung của chỉ tiêu “tỷ trọng kinh tế số trong GRDP”, không có chia theo từng ngành, lĩnh vực.
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=10	Chưa có cơ sở tính toán
4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%	c	>=80	Theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 thì chỉ tiêu này thuộc Sở Tài Chính quản lý
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=50	Theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 thì chỉ tiêu này thuộc Sở Tài Chính quản lý
6	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=2	Chưa có cơ sở tính toán.
7	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	Chưa có cơ sở tính toán. (Ngành Thống kê không có tổ chức điều tra chuyên đề riêng về chỉ tiêu này và cũng không có tích hợp nội dung liên quan trong các cuộc điều tra định kỳ, dẫn đến không có nguồn số liệu sơ cấp chính thức để xác định số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên thực tế có tài khoản thanh toán điện tử trên địa bàn.)
8	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
9	Doanh thu thị trường an toàn, an ninh mạng hàng năm tăng trưởng từ 20 - 30%		Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022		

Giải đoạn 2026 - 2028					
1	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=50	
2	Số di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch trong nước được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi, kết hợp xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch Việt Nam, đưa du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	90	
3	Phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm 05 sản giao dịch dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...) để tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật; xuất khẩu tri thức của lao động Việt Nam ra nước ngoài dựa trên các công việc mới với dữ liệu		Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024		
4	Xây dựng và hoàn thành các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản cho các vùng sản xuất nông nghiệp trên cả nước phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. 100% dữ liệu truy xuất nguồn gốc, xuất xứ được cung cấp kèm theo cho các sản phẩm OCOP (thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm "One Commune One Product") đăng bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
5	Xây dựng và hoàn thành các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ điện trên cả nước phục vụ việc vận hành tối ưu hệ thống điện, hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện trong nước và liên kết khu vực; dữ liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về các trung tâm logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường Việt Nam nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường,...		Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	

6	Hoàn thiện số cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
7	Số bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời, làm cơ sở triển khai các giải pháp dự báo nhu cầu, sự biến động về lao động, việc làm; người lao động có thể tiếp cận với dữ liệu về nhu cầu lao động, việc làm của xã hội và được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	
2	Giới đoạn 2028-2030				
1	Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GDP	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	30	
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	≥20	
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	≥20	
4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	100	
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
6	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	≥3	
7	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	95	

PHỤ LỤC 02
ĐÁNH GIÁ 55 DỊCH VỤ CÔNG THIẾT YẾU ĐÃ CUNG CẤP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Số TT	Dịch vụ	Tổng số hồ sơ	Thực tuyến	Tỷ lệ	Đánh giá số liệu tăng/giảm so với tháng 12 năm 2024	Số công dân được hưởng lợi từ dịch vụ công	Nguồn dữ liệu để kết nối, chia sẻ	Người dân được hưởng lợi				Tồn tại	Giải pháp	Địa phương triển khai thực hiện
									Tổng số tiền tiết kiệm	Chi phí tiết kiệm cho người dân	Chi phí tiết kiệm cho cơ quan nhà nước			
1	Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân	97	97	100,00%	Tăng 79	97	DLDC							
2	Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân	50708	25602	50,49%	Tăng 24950	25602	DLDC							
3	Đăng ký thường trú	37.297	37.040	99,31%	Tăng 30.406	37.040	DLDC							
4	Đăng ký tạm trú	8.258	7.825	94,76%	Tăng 6.368	7.825	DLDC							
5	Khai báo tạm vắng	38	37	97,37%	Tăng 30	37	DLDC							
6	Thông báo lưu trú	49.503	49.501	99,99%	Tăng 41.461	49.501	DLDC							
7	Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy	29882	29860	99,93%	Tăng 25.022	29860	DLDC							
8	Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội)	Chưa kết nối	Chưa triển khai											
9	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông	12044	12040	99,97%	Tăng 10.903	12040	DLDC							
10	Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu	135	135	100,00%	Tăng 121	135	DLDC							
11	Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu	12	12	100,00%	Tăng 12	12	DLDC							
12	Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe	4742	533	11,24%	Tăng 352	533	DLDC							
13	Cấp phiếu lý lịch tư pháp	5640	4058	71,95%	Tăng 3.941	4058	DLDC							
14	Đăng ký khai sinh	3516	3380	96,13%	Tăng 2.504%	3380	DLDC							
15	Đăng ký khai tử	2179	2050	94,08%	Tăng 1.609	2050	DLDC							
16	Đăng ký kết hôn	2453	2276	92,78%	Tăng 1818	2276	DLDC							
17	Liên thông đăng ký khai sinh đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi	5310	5310	100,00%	Tăng 4.186	5310	DLDC							
18	Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí	2882	2882	100,00%	Tăng 2.680	2882	DLDC							
19	Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình	89295	261	0,29%	Tăng 234	261	DLDC							
20	Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân	18521	17184	92,78%	Tăng 15.340	17184	DLDC							
21	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	6982	0	0,00%	Không tăng, không giảm	0	DLDC							
22	Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng	22960	22960	100,00%	Tăng 22.960	22960	DLDC							
23	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	4289	3386	78,95%	Tăng 3.379	3386	DLDC							

24	Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện)	2412	2412	100,00%	Tăng 1.814	2412	DLDC							
25	Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện)	2667	2667	100,00%	Tăng 2.502	2667	DLDC							
26	Xác nhận thông tin về cư trú	7880	7668	97,31%	tăng 5.483	7668	DLDC							
27	Công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam						DLDC							
28	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							
29	Đăng ký tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (tham gia mới; chuyển từ bảo hiểm xã hội bắt buộc sang bảo hiểm xã hội tự nguyện)	94.477	26	0,03%	Tăng 24	26	DLDC							
30	Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế	110.440	22	0,02%	Tăng 17	22	DLDC							
31	Thăm viếng mộ liệt sĩ (cấp giấy giới thiệu và thực hiện chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ)	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							
32	Mở rộng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện các dịch vụ cung cấp điện còn lại (ngoài 02 dịch vụ đã hoàn thành: Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V); Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện)	751	751	100,00%	Tăng 292	751	DLDC							
33	Liên thông nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế	1556	999	64,20%	Tăng 969	999	DLDC							
34	Liên thông nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh/chứng chỉ hành nghề dược và cấp phiếu lý lịch tư pháp	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							
35	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận - Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai - Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	24.411	0	0,00%	Không tăng, không giảm	0	DLDC							
36	Liên thông nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							

37	Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân	10.348	0	0,00%	Không tăng, không giảm	0	DLDC							
38	Thu, nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án	70	0	0,00%	Không tăng, không giảm	0	DLDC							
39	Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần (không bao gồm đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý)	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							
40	Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư						DLDC							
41	Nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản, thông báo tố tụng	99	0	0,00%	Không tăng, không giảm	0	DLDC							
42	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) tại Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam						DLDC							
43	Đăng ký chỉ dẫn địa lý						DLDC							
44	Đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn						DLDC							
45	Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với doanh nghiệp	0	0	0,00%		0	DLDC							
46	Hoàn thành kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia tạo thuận lợi trong tiếp cận, thực hiện các thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa trên Cổng Dịch vụ công quốc gia						DLDC							
47	Nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với doanh nghiệp	11.536	11.536	100,00%	Tăng 9.728	11.536	DLDC							
48	Kết nối, chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thực hiện các dịch vụ cung cấp điện cho doanh nghiệp	437	437	100,00%	Tăng 342	437	DLDC							
49	Liên thông nhóm thủ tục xóa nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi về nghĩa vụ tài chính (do xóa nợ nghĩa vụ tài chính) (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	49	49	100,00%	Tăng 49	49	DLDC							
50	Liên thông các thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thuế	125	3	2,40%	Tăng 3	3	DLDC							
51	Thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với hợp tác xã, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							
52	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	3578	3502	97,88%	Tăng 2.908	3502	DLDC							

53	Nhóm thủ tục Kiểm tra, xét duyệt nhân sự, cấp phép nhập cảnh cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an/Kiểm tra, xét duyệt nhân sự, cấp phép nhập cảnh cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam qua giao dịch điện tử tại Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh						DLDC							
54	Nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thị trường	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							
55	Nhóm thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch - Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú - Cấp lại thẻ Căn cước công dân/Đổi thẻ Căn cước công dân	Chưa phát sinh hồ sơ					DLDC							
TỔNG SỐ TIỀN TIẾT KIỂM									0	0	0			

PHỤ LỤC 05: BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI 44 MÔ HÌNH ĐIỂM

STT	Mô hình	Kết quả triển khai	Khó khăn vướng mắc	Đánh giá hiệu quả, giá trị tiện ích mang lại và tiết kiệm	Kinh phí đầu tư, chi cho từng nhóm mô hình	Có tiếp tục tham mưu tổ công tác đề xuất nhân rộng triển khai trên toàn địa bàn không? Nếu có sẽ thực hiện các bước như thế nào
I	NHÓM TIỆN ÍCH PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TTHC VÀ CUNG CẤP DVC TRỰC TUYẾN (03 MÔ HÌNH)					
1	Mô hình 1: Triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu	Đã thực hiện: - Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, hiệu quả các dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Kết quả thực hiện: + Toàn tỉnh đã triển khai thực hiện 42/53 dịch vụ công thiết yếu (24/25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 18/28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg), có 29/42 dịch vụ công thiết yếu đã triển khai thực hiện toàn trình.	Còn một số Bộ, ngành chưa hoàn thành tái cấu trúc quy trình, chưa hướng dẫn kết nối, đồng bộ thông tin hồ sơ thủ tục hành chính với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Một số người dân ở địa bàn nông thôn chưa đảm bảo các điều kiện như máy tính, điện thoại thông tin...để có thể thực hiện nộp hồ sơ qua dịch vụ công	Thay đổi thói quen sử dụng hồ sơ giấy sang sử dụng hồ sơ điện tử của người dân, từng bước hình thành công dân số, xã hội số. Tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính, không phải trực tiếp đến cơ quan nhà nước để nộp hồ sơ như trước	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện

2	Mô hình 3: Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công không sử dụng hồ sơ giấy	Đã thực hiện: - UBND tỉnh ban hành Quyết định 221/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 về việc phê duyệt danh mục 225 dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Theo đó, tỉnh đã triển khai thực điểm 225 dịch vụ công trực tuyến không tiếp nhận hồ sơ giấy. Trong kỳ, cấp tỉnh có 13.499/ 15.150 hồ sơ trực tuyến toàn trình, đạt tỷ lệ 89,1%.		Thay đổi thói quen sử dụng hồ sơ giấy sang sử dụng hồ sơ điện tử của người dân, từng bước hình thành công dân số, xã hội số. Tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính, không phải trực tiếp đến cơ quan nhà nước để nộp hồ sơ như trước	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
3	Mô hình 5: Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên VNeID	Đã thực hiện: - Tổng số người dân trên địa bàn tỉnh đã được cấp và kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID: 761.539 tài khoản. - Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện một số thủ tục hành chính đã được tích hợp trên VNeID như: thông báo lưu trú; đăng ký xe lần đầu; xác nhận thủ tục hành chính; đánh giá dịch vụ TTHC,...		Giúp người dân giao dịch hành chính trên cổng dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, giao dịch nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm thời gian, công sức	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện; Cục C06 cần nghiên cứu tích hợp nhiều thủ tục hành chính lên ứng dụng VNeID nhằm tạo điều kiện để người dân có thể thực hiện được nhanh chóng, thống nhất, tiện lợi
II	NHOM TIỆN ICH PHÁT TRIEN KINH TE XA HOI (08 MÔ HÌNH)					

4	Mô hình 6: Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VNeID	Đã thực hiện: Hiện nay 131/131 cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (đạt 100%) đã triển khai thực hiện khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng thẻ Căn cước/Căn cước công dân hoặc ứng dụng VNeID. Qua đó, đã có 3.094.290 lượt tra cứu thành công phục vụ công tác khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng thẻ CCCD, Căn cước	Một số trường hợp thông tin Bảo hiểm y tế của người dân chưa được cập nhật, đồng bộ kịp thời trên ứng dụng VNeID nên khi tra cứu thông tin tại các cơ sở khám chữa bệnh còn gặp khó khăn	Người dân không phải mang theo nhiều loại giấy tờ khi thực hiện khám chữa bệnh, tránh tình trạng hư hỏng, mất thẻ Bảo hiểm y tế. Thông tin của bệnh nhân được cập nhật chính xác, rút ngắn thời gian, tránh ùn tắc tại điểm khám chữa bệnh.	Kinh phí mua thiết bị đọc thẻ căn cước, căn cước gắn chip	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
5	Mô hình 7: Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, KIOSK tự phục vụ	Đã triển khai thực hiện: - Ngày 21/6/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 3791/UBND-VX về việc triển khai giải pháp Kiosk y tế thông minh đối với các cơ sở y tế theo Đề án 06 - Hiện nay, có 15/15 đơn vị đã triển khai thực hiện với số lượng KIOSK là 17.		Việc triển khai ứng dụng công nghệ xác thực sinh trắc đã khắc phục tình trạng mượn thẻ BHYT, CCCD, tiết kiệm chi phí... Đồng thời, quản lý chặt chẽ, chính xác, tránh trục lợi, phục vụ tốt công tác giám định, kiểm tra, thanh tra Giảm việc tiếp đón bệnh nhân trực tiếp, định danh bệnh nhân tài khoản	Hiện tại được HD Bank tài trợ miễn phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện

6	Mô hình 9: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà trọ; Nhà nghỉ; Khách sạn 2-3*; Khách sạn 4*; Khách sạn 5*; Nhà khách; Nhà công vụ	Đã thực hiện: Tổng số cơ sở đã được cấp quyền sử dụng phần mềm là: 630 cơ sở; tổng số cơ sở đã sử dụng phần mềm ASM: 82 cơ sở; tổng số lượt thông báo lưu trú qua phần mềm ASM 6 tháng đầu năm 2025: 15.163 lượt thông báo.	Hiện nay, đối với việc thông báo của người nước ngoài trú vẫn phải thực hiện trên phần mềm Quản lý xuất nhập cảnh, từ đó cơ sở phải sử dụng nhiều phần mềm, gây khó khăn cho công tác quản lý	Đảm bảo thực hiện việc thông báo lưu trú được thuận tiện, nhanh chóng, bảo mật được thông tin cá nhân của người lưu trú; giúp lực lượng Công an quản lý, cập nhật thường xuyên thông tin cư trú; phát hiện kịp thời các đối tượng đang lẫn trốn.	Kinh phí mua thiết bị đọc thẻ căn cước, căn cước gắn chip	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện.
7	Mô hình 10: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà cho thuê; Nhà ở trong khu công nghiệp, khu chế xuất	Đang triển khai thực hiện: - Công an tỉnh đã phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghiệp rà soát các công ty, doanh nghiệp trong khu công nghiệp có nhà ở, nhà cho thuê cho công nhân, chuyên gia...lưu trú. Qua đó có tổng số 18 doanh nghiệp với 19 khu nhà ở có hoạt động lưu trú. - Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn 18 doanh nghiệp trong các khu công nghiệp sử dụng phần mềm ASM để thực hiện thông báo lưu trú theo quy định		Đảm bảo thực hiện việc thông báo lưu trú được thuận tiện, nhanh chóng, bảo mật được thông tin cá nhân của người lưu trú; đồng thời, góp phần phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện kịp thời các đối tượng lợi dụng địa bàn khu công nghiệp để lẫn trốn, đảm bảo tốt tình hình an ninh, trật tự	Kinh phí mua thiết bị đọc thẻ căn cước, căn cước gắn chip	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện.

8	Mô hình 11: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại Cơ sở khám chữa bệnh	Đã thực hiện: - Tổng số cơ sở khám, chữa bệnh đã được cấp quyền sử dụng phần mềm ASM: 16 cơ sở - Công an tỉnh đã phối hợp Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho 16/16 cơ sở y tế thực hiện phần mềm ASM. - Trong 6 tháng đầu năm chưa phát sinh hồ sơ.		Đảm bảo thực hiện việc thông báo lưu trú cho bệnh nhân nội trú được thuận tiện, nhanh chóng.	Kinh phí mua thiết bị đọc thẻ căn cước, căn cước gắn chip	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
9	Mô hình 16: Triển khai tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT (Cơ sở cầm đồ; Cơ sở dịch vụ bảo vệ; Dịch vụ thừa phát lại; Cơ sở khác)	Đang triển khai thực hiện	Kinh phí để đầu tư mua sắm thiết bị còn lớn. Đa số cơ sở trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, nên còn ngại đầu tư mua sắm thiết bị để thực hiện			Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
10	Mô hình 17: Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe	Đã thực hiện: Đã triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe và thực hiện nhận dạng, quét thẻ CCCD, Căn cước và chụp ảnh kiểm tra được hơn 25.959 lượt thí sinh tham dự sát hạch cấp giấy phép lái xe tại các kỳ thi sát hạch		Xác thực chính xác học viên dự thi thông qua việc đối sánh thông tin trên CCCD, khuôn mặt học viên với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, tránh gian lận trong quá trình thi sát hạch lái xe	Kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị đầu đọc CCCD gắn chip, phần mềm	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện

11	Mô hình 20: Triển khai cho vay tín chấp công dân: hộ nghèo, người có công	Đã thực hiện: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đã triển khai thực hiện cho tổng số 81 trường hợp hộ nghèo, người có công với tổng số tiền 3.979.000.000 đồng.		Đảm bảo cho người dân thuộc hộ nghèo, người có công được tiếp cận nguồn vốn vay một cách chính thống, hạn chế được tệ nạn tính dung đen.	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
III NHÓM TIỆN ÍCH PHỤC VỤ CÔNG DÂN SỐ (11)						
12	Mô hình 24: Đảm bảo điều kiện công dân số	Đã thực hiện: - Tính đến nay, Công an tỉnh đã thực hiện cấp tổng số: 1.458.991 CCCD, CC. Trong đó có: 135.708 hồ sơ cấp Căn cước theo quy định của Luật căn cước. - Tổ chức thu nhận và hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt 761.539 tài khoản VNeID, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong thực hiện các giao dịch, đi lại và thực hiện các thủ tục hành chính qua dịch vụ công... - Sở Khoa học và Công nghệ cấp chữ ký số cho công dân: 6 tháng đầu năm 2025 đã cấp mới 141 Chứng thư số (trong đó, có 70 Chứng thư số của tổ chức và		Đảm bảo người dân có đầy đủ các tiện ích để tham gia trên môi trường điện tử như: ví điện tử, tài khoản thanh toán điện tử, chữ ký số... - Tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí, giảm phiền hà, thuận tiện trong việc thực hiện và sử dụng, tin cậy, bảo mật. Thuận tiện thực hiện các TTHC trên	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện

13	Mô hình 25: Chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO)	Đã thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, triển khai các ứng dụng do Văn phòng UBND tỉnh quản lý, vận hành đã tích hợp hệ thống xác thực SSO		Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ thông tin của người dân; giúp đơn giản hóa thủ tục, an toàn, tiết kiệm thời gian trong thực hiện các thủ tục hành chính. Phục vụ cho công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
14	Mô hình 26: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP)	Đã thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục duy trì và thực hiện các kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh thông qua Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), cụ thể: + 22 hệ thống, CSDL của quốc gia đã kết nối, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). + 15 CSDL dùng chung của tỉnh được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).		Đảm bảo về an ninh, an toàn thông tin; tiết kiệm được chi phí đầu các hệ thống một cách dài trải		Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện

15	Mô hình 27: Truyền thông nội bộ cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước	Đã thực hiện: Thường xuyên cập nhật tin tức liên quan triển khai Đề án 06 và các thông tin khác qua các kênh Zalo “Chính quyền số Vĩnh Long”; trang Facebook “Chuyển đổi số Vĩnh Long”; trang thông tin điện tử của các đơn vị, trang Chuyển đổi số của tỉnh và các phương tiện truyền thông khác. Kết quả đã thực hiện đăng tải 1.070 tin, bài liên quan đến nhiệm vụ triển khai Đề án 06		Giúp cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn nắm đầy đủ, kịp thời các thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nội dung liên quan đến Đề án 06	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
16	Mô hình 28: Truyền thông chính sách qua hệ thống LED, Pano, Áp phích, Truyền thanh cơ sở, Truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh thông minh, nền tảng số	Đã thực hiện: - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: tuyên truyền qua hệ thống 116 màn hình LED tại 02 tuyến đường Nguyễn Huệ và Phạm Thái Bường trên 600 giờ. - Các ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: tuyên truyền các trên các phương tiện thông tin, đại chúng, các trang mạng xã hội Zalo, Facebook... được trên 978 lượt tin bài; phát trên 51.705 tờ rơi tuyên truyền; phát trên loa phát thanh xã, phường, thị trấn 6.302 lượt tin; tổ chức tuyên truyền qua họp dân ở ấp, khóm, khu dân cư được trên 146.171 cuộc. Đồng thời tổ chức tuyên		Kịp thời triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của địa phương đến các tầng lớp Nhân dân. Vừa tuyên truyền nội dung thông điệp, vừa có hình ảnh minh họa phù hợp, thu hút người dân. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền.	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện

17	Mô hình 29: Triển khai nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến đại chúng mở (MOOC) trên toàn quốc để nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho các cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi phí đào tạo truyền thống	Đã thực hiện: Công an tỉnh đã phối hợp với Cục C06 và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 trên nền tảng MOOC cho tổng số 850 học viên là cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ngành, địa phương và cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân		Tiết kiệm được chi phí đào tạo, tập huấn khoảng 01 triệu đồng/01 học viên so với phương pháp truyền thống như trước đây (<i>tiết kiệm khoảng 850.000.000 đồng</i>)	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
18	Mô hình 30: Triển khai tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID	Đã thực hiện: Công an các đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID được hơn 2.679 cuộc. Qua đó, người dân đã thực hiện thông báo, tố giác tội phạm qua VNeID được tổng số 95 tin báo, góp phần giúp lực lượng Công an phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật		Việc tố giác tội phạm đảm bảo nhanh chóng, lực lượng Công an tiếp nhận giải quyết kịp thời; đảm bảo thông tin người tố giác.	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện

19	Mô hình 31: Triển khai tuyên truyền chính sách, hỗ trợ pháp lý qua ứng dụng VNeID, Call Centrer	Đã thực hiện: - Công an tỉnh phối hợp với các ngành, địa phương tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các tính năng hỗ trợ trên VNeID được hơn 146.171 lượt (trên các phương tiện thông tin đại chúng báo, đài, các trang mạng xã hội Zalo, Facebook; thông qua các cuộc họp dân; phát các tờ tuyên truyền...). Thông qua đó, các thông tin kiến nghị, phản ánh của người dân sẽ được tổng đài tổng đài 1900.0368 tiếp nhận và giải đáp. - Phối hợp với các đơn vị, địa phương kịp thời triển khai các chính sách, pháp luật; cập nhật các tin tức thời sự; cảnh báo các phương thức hoạt động của các		Hỗ trợ giải đáp kịp thời các thắc mắc của người dân; triển khai kịp thời các chính sách, pháp pháp luật đến người dân	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
20	Mô hình 32: Triển khai hệ thống quản lý trường học: Xác thực thông tin giáo viên và học sinh; Cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VneID (SSO); Quản lý điểm, lịch học...	Chưa triển khai thực hiện				

21	Mô hình 33: Thông tin lý lịch tư pháp trên VNeID	Đã thực hiện: - Ngày 30/5/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Kế hoạch số 56/KH-UBND về triển khai thực hiện thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. - Ngày 29/11/2024, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã hoàn thành kết nối chính thức với phần mềm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID và triển khai chính thức việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng, Công an tỉnh và Sở Tư pháp đã tiếp nhận 4.090 hồ sơ đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư		Người dân có thể thực hiện việc cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID một cách nhanh chóng, tiện lợi; tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại của người dân, doanh nghiệp	Kinh phí đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai thực hiện	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
----	--	---	--	---	---	--

22	Mô hình 34: Triển khai tích hợp thông tin Sổ sức khỏe điện tử, Sổ lao động điện tử trên VNeid.	Đang triển khai thực hiện: Ngày 06/12/2024, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2521/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (Kế hoạch số 5602/KH-SYT ngày 27/11/2024 của Sở Y tế). Đến ngày 23/6/2025, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có 285.518 trường hợp tích hợp thông tin sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, đạt tỷ lệ 22,01% trên tổng số nhân khẩu thường trú trên địa bàn; 12.072 trường hợp tích hợp giấy chuyển tuyến; 59.033 trường hợp tích hợp giấy hẹn khám lại.		Giúp người dân dễ dàng truy cập dữ liệu sức khỏe của chính mình ở mọi nơi, mọi lúc thông qua nền tảng số, qua đó tiết kiệm được thời gian, tiền bạc trong quản lý sức khỏe, tuân thủ điều trị tốt hơn; Đối với các cơ sở y tế cũng giúp liên thông nhanh chóng, chính xác việc chia sẻ thông tin về sức khỏe.		Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
IV	NHÓM SỐ HÓA, TẠO LẬP DỮ LIỆU DÙNG CHUNG TRÊN HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ PHỤC VỤ CẢI CÁCH TTHC (03 MÔ HÌNH)					

23	Mô hình 35: Quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VneID	Đang triển khai thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện số hóa hồ sơ đất đai đính kèm file PDF lên hệ thống là 476.500/679.641 thửa đất trên địa bàn tỉnh, đạt tỷ lệ 70,11%. Hiện nay, đã hoàn thành kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đồng thời đã rà soát, làm sạch được 439.624/537.643 thông tin chủ sử dụng đất trùng khớp với dữ liệu dân cư, đạt tỷ lệ 81,7%.		Tạo điều kiện thuận lợi, rút ngắn thời gian thực hiện, tiết kiệm chi phí đi lại cho người dân trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai		Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
24	Mô hình 36: Số hóa tạo lập dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, như: Hộ tịch, lao động xã hội, các tổ chức, đoàn hội.... Phục vụ cải cách TTHC.	Đang triển khai thực hiện: - Đã nhập thông tin dữ liệu người lao động trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: 378.619 trường hợp - Triển khai nhập dữ liệu các hội: + Hội nông dân: 42.892 trường hợp + Hội người cao tuổi: 49.378 trường hợp + Hội chữ thập đỏ: 7.396 trường hợp + Hội cựu chiến binh: 7.591 trường hợp		Tạo lập được dữ liệu dùng chung đồng bộ, thống nhất, đảm bảo tính chính xác	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
25	Mô hình 37: Quản lý chương trình An sinh xã hội thông	Chưa triển khai thực hiện				
V	NHÓM PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA LÃNH ĐẠO CÁC CẤP (02 MÔ HÌNH)					

26	Mô hình 43: Trung tâm Giám sát an ninh mạng SOC Tỉnh	Đã thực hiện: - Tiếp tục triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tối thiểu cấp độ 3 theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; kết nối, giám sát các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, chuyên ngành. - Hệ thống thư điện tử đã phát hiện và ngăn chặn 187.419 sự kiện (spam mail, thăm dò mật khẩu ...), ghi nhận có 708 máy tính được phần mềm phòng, chống mã độc loại bỏ mã độc trước khi xâm nhập vào máy tính, 876 máy tính kết nối nguy hiểm.		Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin các hệ thống thông tin của tỉnh.		Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện
27	Mô hình 44: Tổ chức đào tạo, tập huấn an ninh, an toàn, bảo mật thông tin cho người sử dụng cuối (end use).	Đã thực hiện: Công an tỉnh phối hợp với Cục C06 và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức 01 lớp tập huấn về an ninh, an toàn bảo mật thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ngành, địa phương và cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tổng số 495 học viên.	Một số cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn chưa nắm rõ cách thức tập huấn, chưa tập trung học tập do phải vừa học tập vừa thực hiện công tác chuyên môn nên kết quả học tập chưa đạt yêu cầu	Tiết kiệm được chi phí đào tạo, tập huấn khoảng 01 triệu đồng/01 học viên so với phương pháp truyền thống như trước đây (<i>tiết kiệm khoảng 495.000.000 đồng</i>)	Không có kinh phí	Đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện